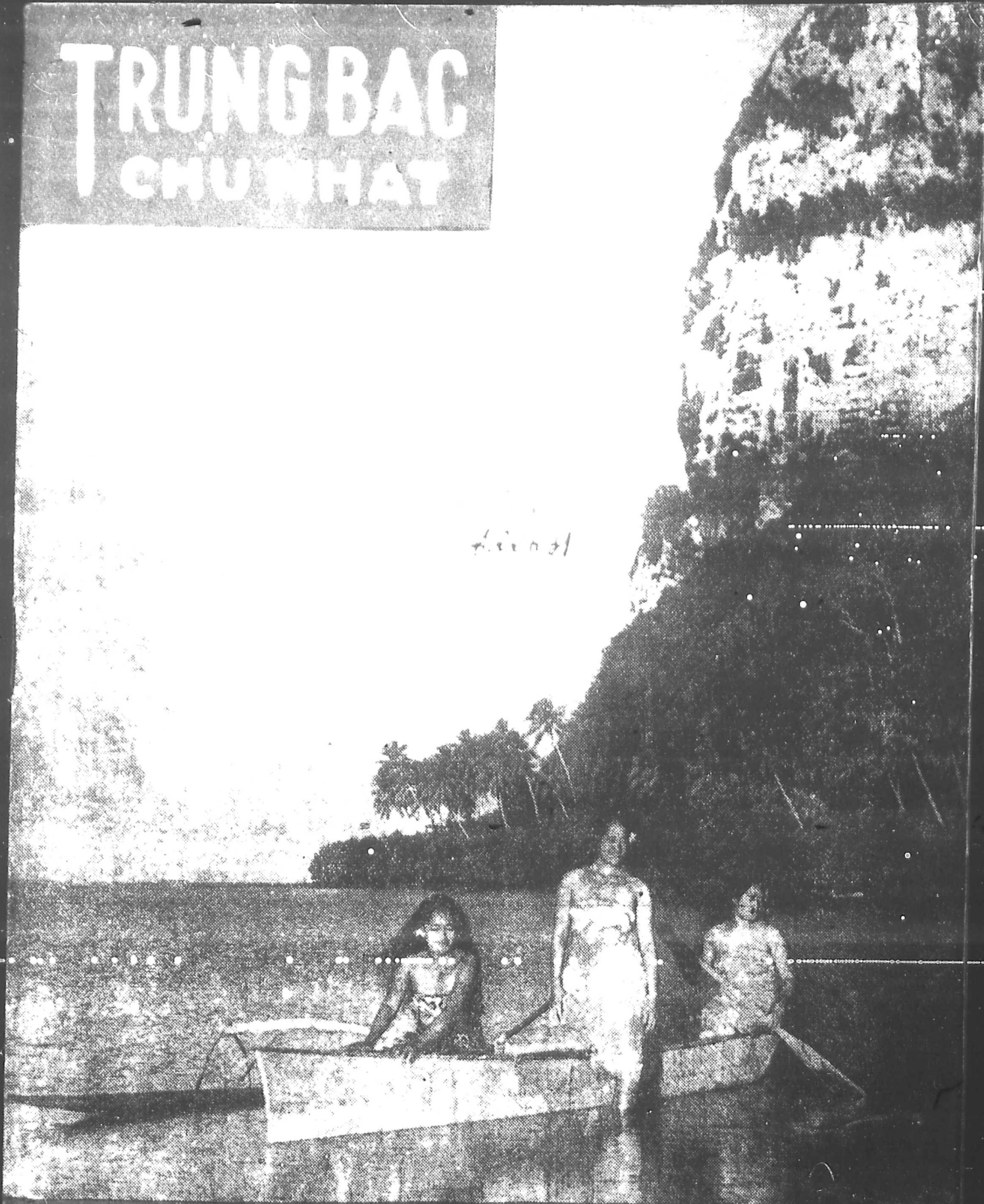


TRUNG BAC CHU NHAT



NGUYỄN QUÂN - VƯƠNG
CHU TRƯỜNG

NHÂN SĨNH CHU NHAT

Tại sao lại có dân tộc của ta chỉ thích sống trên núi, và người
văn minh có khi ở xa làng, ở trên núi, ở trên núi, ở trên núi, ở trên núi,
văn minh, họ quan sát, đã có dân tộc của ta chỉ thích sống trên núi

SỐ 106 - GIẤY ĐÓNG
26 MARS 1944

Các chiến tranh ở miền Nam một trận phía nam vẫn có cùng kích liệt. Ở khu phía Nam Ukraine và phía Nam Ba-lan quân Nga vẫn do ai tấn công thì phía quân và họ lại sông Dniestr và vẫn tiếp tục rộng ra nhiều. Đoàn quân ở hạ lưu sông Dniestr đã tiến tới cửa sông Bug, phía Nam cửa sông ở Nikolaiev. Đã chiếm được Novo-Odesa và chỉ còn cách Nikolaiev 125 cây số. Có 1 đạo quân tiến từ khu vực sông Dniestr thì đã vượt qua Trug-lua sông Bug (gần Vinnitza) đã hạ được Vinnitza và một vài thị trấn quan trọng khác và đã bắt đầu được con đường xe lửa từ Vinnitza ra đến Odesa và coi đường đi dọc theo đường biên thủy Nga - Lô và dọc sông Bug. Hiện Hồng quân đang đánh lan rộng theo dọc con đường xe lửa đó. Mục đích để cắt đường về của các đội quân Đức hiện con chiến đấu ở bên kia sông Bug.

Quân Đức chắc hẳn còn một số khả năng ở miền Kavkaz đến Dnepr và các đạo quân này hiện đang ở trong tình thế nghiêm trọng và có thể bị quân Nga vấp bẫy. Phía tây và tây nam Kirov, quân Nga vẫn tiến và đã chiếm được Roderine và Rovnoge.

Tại các khu trang-trang và khu bắc mặt trận phía đông, quân Nga vẫn tiếp tục cuộc tấn công nhưng đều bị quân Đức đánh lui. Còn ở khu bán đảo Crimate thì quân Nga mấy hôm nay lại đột nhiên đánh rất mạnh. Tuy bị cắt đứt đường rút lui, đạo quân Đức ở bán đảo đó vẫn kháng cự kịch liệt, đã đánh lui được quân địch và hạn gần được nhiều lỗ thủng trên mặt trận.

Tại mặt trận Nam-Ý, quân Mỹ mấy hôm nay lại tấn công dữ dội trong vùng Cassino. Sau khi bắn đại bác và cho phi cơ ném bom, lực quân Mỹ đã ném 15 km³ một cuộc đột tấn công để phá vỡ những khu chốt lại ở Cassino. Hiện quân Mỹ đã chiếm được ba phần tư thành phố và một ngọn đồi quan trọng ở phía bắc thị trấn. Cassino hiện nay đã bị san phẳng thành một cánh hoang tàn đầy những gạch ngói vỡ nát, chiến-tử cũng đã lũng qua được. Quân đồng-minh vẫn tấn công ở khu đông nam thành công ngay các mặt trận.

Ở khu đông của Nettano phía Nam La-mã cuộc xung đột đang trở nên vô cùng ác liệt, quân hai bên tấn công và phản công rất hăng.

Ở miền Đông Á tại biên giới Diên-diên Ấn-độ theo một tin của đại bản doanh đại-tướng Mountbatten thì trong các vùng Katada và Tiddur, quân Nhật vẫn tiếp tục tấn công và theo tin Nhật thì việc họ diệt sự đoàn quân Anh-Ấn thì mới bắt hiện chỉ còn là một vấn đề thời gian, sự đoàn

quân này sẽ dần dần công từ năm ngoài Ấn này mà vẫn không thu được kết quả gì hết. Vừa rồi theo tin Nhật trong một bữa tiệc mừng về dịp tướng Mac Arthur thăng u-lệnh quân Đồng-minh ở miền tây Nam Thái-bình-dương, tướng đó đã tuyên bố một cách tự phụ rằng: «Tôi sẽ trở lại Phi-luật-lân».

Cuộc không chiến ở các miền Tây Âu vẫn rất kịch liệt. Phi cơ Anh, Mỹ đã bay qua dãy núi Alpes, lọt vào miền Nam Đức, ném bom xuống nhiều nơi. Đồng thời, đất Hàng bị ném bom và các kinh thành Vienna trên đất nước Áo cũ cũng bị đánh phá ở Đức các thị trấn Aisbourg Ulm, Friedriehafen đều bị đánh phá.

Ở Pháp thì Amiens, Creil, Clermont Ferrand và quận Somme đều bị ném bom. Có lẽ các trận không-chiến kịch liệt gần đây sẽ mở màn cho mặt trận thứ hai của Anh, Mỹ ở Tây Âu. Đồng thời các báo Nga cũng thắc dục Anh, Mỹ nên kịp lúc ngay mặt trận thứ hai, vì nếu chỉ đánh bằng phi cơ mà không có cuộc chiến tranh trên bộ tiếp xúc thì chiến tranh sẽ có cơ kéo dài và không ảnh-hưởng mấy đến sự sản xuất của Đức.

Có lẽ lời ông Charechill báo trước rằng vào cuối tháng Mars sẽ có những cuộc hành binh quan trọng nhất từ trước đến giờ, nay mai sẽ thực hành chăng?

Truyện người bàng xóm

truyện dài mới của T.B.C.N. bắt đầu đăng từ số sau là của một nhà văn quen biết, rất được ưa mến lúc này: NAM-CAO

TRUYỆN NGƯỜI HANG XÓM sẽ đưa bạn đọc đến một phần xã-hội mà chúng ta quen nhưng không biết, có những tâm hồn u-tối mà ngày-hoàng, họ sống là xấu xa mà thực thì cao-thượng.

TRUYỆN NGƯỜI HANG XÓM rất lý-khí mà đọc xong sẽ phải suy tư, sẽ đứng từ số sau, một số báo có nhiều bài văn-chương gì-trí:

Chiến-tranh bằng vũ-trương — Ngâm-Phục và văn-đề văn-nóa Đông-Tây — Những chuyện hời-lạ trong Liên-trai-chi-di có thể hay hơn 80-làng-thị-bá-độc — Truyện ngắn: Ly hương — Hoa-trinh-thơ-lâm-khúc — Triết-học-tap-thuyết và bài Đạo-Trung-thư và nghĩa-Trung-dương của Khổng-tử.

TUẦN LỄ ĐÔNG-DƯƠNG

— Sáng chủ-nhật 12-3-44, lại quảng địa sông Nhì-hà, nông nhà thương Đôn-thủy Tổng-hội Thể-thao đã tổ-chức giải vô-địch viết-đá Bắc-kỳ mùa 1943-1944

Lần này là lần thứ ba T. H. T. T. tổ-chức giải này. Hai mùa trước 1941-42, 1942-43, hai tỉnh Hòa-bình và Thái-bình lần lượt được hân hạnh ghi tên trên chiếc cúp bạc của quan Thống-sứ Bắc-kỳ.

Quê đũa lần thứ ba này có 65 đến thủ.

Lực sĩ Sinh (Sơn - Tây) về nhất trước Nhạc, cựu vô địch 10 trước.

Ông Henri Cosme, sứ-thần Pháp ở Nhật, đã tới Saigon sáng 11 Mars, Ông de Bois-sanger, chánh phủ Ngoại-giao, đã đại-diện quan Toàn-quyền Decoux, tới đón ngài. Quan Toàn-quyền cũng cử riêng một viên quan hầu đi đón. Quan Thống-túc Nam-kỳ cũ ông Sical đại-diện Ông Tachiro, sứ-thần Nhật, tạm quyền chức trưởng Phái-hộ Nhật ở Đông-dương, đã cùng các viên đại-biểu quân-đội, thủy-quân Nhật và các viên giúp-việc cùng với các quan chức Pháp tới chào ông Henri Cosme lúc ông tới Saigon.

Buổi chiều, quan Toàn-quyền chính thức tiếp sứ-thần Henri Cosme và thiết tiệc ngài.

Hôm 13 Mars quan Toàn-quyền đã ký nghị-định nội về việc chuyển địa từ tòa Trưng-trị lên tòa Farang-tham.

Tác giả (địa này, thì từ nay, nhưng hĩa an xữbđđ các tòa án (địa này) hay các tòa án ở Vinh, Concan, Đàng-hới,

Quảng-ngãi thuộc Trung-kỳ; ở Sơn - la, Lai - châu, Monay thuộc Bắc-kỳ; Thakhek, Luang prabang, Phông-saly, Vientiane, Savanakhét, Xiengkhoang, Sam-nay, Ban-ousai thuộc Ai-lao; Quảng-châu-loan - Fort Bayard đến các thị bất buộc phải xử theo hơb, nên những người xin chống an vắng mặt. Tuy nhiên, những người này có quyền 'y cho luật-sự thay mặt trước tòa hay gửi cho tòa một bản cáo.

Kể từ ngày ký nghị-định này (10 Mars 1944) cấm hết thấy các tiệm ăn, bang-lou, câu-lạc-bộ, khách-sạn của các sỹ quan; quán-trò, hàng cơm bán lẻ tiền và hết thấy các nhà bán món ăn cho công-chúng, không được bán quá một món thịt cho khách an trong mỗi bữa, trừ món hors d'oeuvre. Riêng các ngày chủ-nhật và ngày lễ là không phải theo lệ này.

Ái-trai nghị-định này sẽ bị phạt theo luật ngày 14-3-1942.

Ủy-ban điều-kinh Nam-kỳ đã chính thức công nhận

Sách mới

GIẢNG THỂ, tiểu thuyết của TÔ-MOAI, trong loại P. T. B. N S 16 Hàng Da phát hành các sách, báo của Tân-Dân.

Hộp thư

Ông Thành-thế-Vỹ — Xin gửi tiếp cho T. H. T. T.

Ông Phan Nhựt. — Truyện G. C. của P. M. nhiều người đã dịch rồi.

Có Cầm-Todan. — Rất tiếc..

Ông Đoàn-trần Hướn. — Rất tiếc..

những kỷ lục mới nên được như sau này:

Chạy 200m hết 24 giây 15 của Robert.

Chạy 3000m hết 10 phút 10 giây của Duterre.

Tiếp sức 4 x 400m hết 3 phút 51 giây 4/5 của đoàn nhà-binh. Nhảy cao 1m82 của Duchêne. Những kỷ-lục trên đây, các lực-lữ đã nên được trong buổi thi điền-kinh tổ-chức tại sân Renault ở Saigon ngày 10-3-44.

Quan Toàn-quyền đã ký nghị-định ngày 4 Mars 1944, lập lại Đông-dương một ngạch Thâm-phân Hòa - giải người Đông-dương. Chức ngạch và lương bổng định như sau này:

Thâm-phân ngoại hạng 5.000p, hạng nhất 4.500p, hạng nhì 4.200p, hạng ba 3.900p, hạng tư 3.600p, hạng năm 3.200p, hạng sáu 2.500p, hạng bảy 2.000p, hạng tám 1.700, tập-sự 1.400p.

Những thi-sinh trúng tuyển sẽ được bổ Thâm-phân tập-sự tại tòa an Thượng-thẩm Hanoi hay Saigon và phải tuân theo. Khi đang đương xử án các thâm-phân được đeo dây lưng lụa màu da cam có tua xanh.

Quan Toàn-quyền đã ký nghị-định ban hành lại Đông-dương các-lệnh ngày 11-2-44 như sau này:

Trong thời kỳ chiến tranh, những kẻ phạm tội an cướp nói trong các khoản 441 và 442 hình luật, sẽ bị kết án tử-bình.

Còn những kẻ phạm tội an trọng trong những ngôi nhà không có người ở, và khi chủ nhà chỉ bỏ không trong một lúc, hoặc lấy trộm trong những ngôi nhà bị phá hủy, đó là một phạm, vì chiến tranh cũng bị kết án tử-bình.

Ở một đồng bạc mà muốn làm giàu nhanh chóng và tương-thiện thì chỉ có cách là: MUA VÉ XÒ SỐ ĐÔNG-PHÁP

NHÂN-SINH ĐỊA-DƯ,

một khoa-học thực-nghiệm mà ta cần phải biết qua

Thế nào là nhân-sinh địa-dư?

Đáng như nghĩa đen bốn chữ đó, *nhân-sinh địa-dư*, là một khoa-học để khảo-cứ về sự sinh-hoạt của dân-cư các miền trên trái đất. Khoa-học mới này chỉ là một ngành của địa-dư cũng như khoa địa-dư về hình-thể (géographie physique) về cư-lưu-trí (géographie politique) về kinh-tế (géographie économique) và nhiều khoa khác nữa.

Nhân-sinh địa-dư lại gồm có nhiều mục khác nhau, mục thì khảo về dân-số mỗi vùng, những sự thay đổi của số dân-cư tùy theo các điều kiện thiên-nhiên về sự ăn ở trong vùng, rồi do đó mới có thể tính được số dân trên mỗi cây-số vuông là bao nhiêu. Mục thì khảo-cứ về đất ở, đất cây-cây, sức sản-xuất mùa-màng của những đất đó để có thể tính được mỗi cây số vuông có thể nuôi sống được bao nhiêu người (densité alimentaire).

Mục thì khảo-cứ về nhà ở của dân mỗi vùng và cách tụ tập của những nhà đó thành xóm, làng hay thành-phố. Mục này còn gồm cả cách kiến-trúc nhà cửa qua các thời đại và tùy theo các điều-kiện về địa-thể, hoặc khí-hậu, các vật-liệu dùng để làm nhà cửa, các kiểu nhà và cách bài-trí ăn ở trong các nhà đó.

Sau cùng là mục khảo về cách sinh-nhiệt tức là các nghề-nghiệp của dân mỗi vùng. Tất cả các mục trong khoa nhân-sinh địa-dư đều liên-lạc mật-thiết với nhau. Học về mục này phải cần khảo về mục khác cũng như khoa nhân-sinh địa-dư cũng có liên-lạc với các khoa-học khác trong khoa địa-dư chung (géographie générale). Trong các mục về nhân-sinh địa-dư, đáng chú ý và hay hơn hết là mục nói về nhân-dân các miền trên trái đất.

**NHIỀU GIỐNG NGƯỜI CÒ
BỊ DIỆT VONG VÌ CÁC
GIỐNG NGƯỜI VĂN-MINH.
ĐỐI VỚI CÁC DÂN-TỘC
ĐÀ - MAN, VĂN - MINH
ĐÃ KHÔNG GIÚP ÍCH
LẠI CÒN GIẾT HẠI**

Các hải-đảo là những trường khảo-cứ tốt nhất về dân-sinh

Chính trong các hải-đảo vắng vẻ ở rải-rác trên các mặt bể, xa các lục-địa và ít người qua lại là những nơi mà người ta có thể khảo-cứ dễ-dàng hơn về nhân-sinh địa-dư. Các hải-đảo rất nhiều, ta không thể nào tính hết được. Khắp đông sang tây từ đường xích-đạo cho đến bắc-cực và nam-cực, không miền nào là không có, có hòn to như một lục-địa, có hòn nhỏ li-ti như một quả núi đá, một đồng san hô ở giữa giữa khoảng bờ menh-mông, bát-ngập. Vì thế mà khí-hậu và các điều kiện sinh-hoạt trên các hải-đảo rất khác nhau. Ngay nay một phần lớn các đảo trên mặt địa-cầu người ta đều biết cả, nhưng nhiều hòn chưa có tên và địa-thể cũng chưa định rõ được. Như các đảo trong quần-đảo Phi-lip-pin, tất cả có tới 7.000 đảo, hiện nay một phần ba chưa có tên gọi và ít người biết đến. Lại như các đảo ở miền gần Bắc-cực, Nam-cực trong Bắc-băng-dương và Nam-băng-dương quanh năm lúc nào cũng bao phủ đầy băng và đến gần nửa năm luôn luôn không thấy ánh sáng mặt trời, phần nhiều cũng không có tên và chưa ai để chân tới. Nhưng cũng có nhiều đảo lại thừa tên gọi như hòn đảo Hispaniola do ông Christophe Colomb (Khai-juân-bổ) người

Đức đã khám phá, rằng chỉ có một số rất ít và nhỏ bé khi gọi là Haiti, có khi gọi là Saint Domingue. Một số lớn nên nhận rõ là tuy các hải-đảo có khi không có người ở đầu nhưng thường thường bao giờ cũng có chủ. Các chủ nhân ông do nhiều khi lại nhận các hải-đảo một cách quá vội vàng gây nên những câu chuyện rất ồn ào cười. Ví như đảo Julia, một hải-đảo nhỏ nổi lên giữa hai đảo Sicile và Pantellaria hồi Juillet 1831. Khi trở trên đảo đó núi lửa gây nên chưa khỏi hẳn thì nước Anh đã vội nhận ngay chủ quyền đối với đảo nước Deux-Siciles đã hết sức phản-đối. Các nhà ngoại-giao đang tranh luận chưa xong thì bỗng đến ngày 28 December 1831 nghĩa là sau mấy tháng đảo đó lại biến mất. Đến 1833, đảo Julia lại xuất hiện lần thứ hai nhưng lần này chưa ai dám nhận hẳn. Một đảo khác, đảo Falcon xuất hiện ở nhóm quần đảo Tonga hồi năm 1865 do một chiếc tàu Anh đến nhận ngay, đến 1869 trên đảo đã có mấy cây dừa và chủ quyền đảo đó lẽ tự nhiên thuộc người Anh, nhưng đến năm sau đó sự lại bị chìm dưới nước. Hai năm sau thông báo hạm Durbafault của người Pháp thông thấy đảo đó xuất hiện lần thứ hai và cảm có tam tài trên đảo nhưng hai năm nữa, đảo lại chìm lần nữa rồi lại nổi lên và do chính-phủ đảo Tonga nhận. Từ đó đến nay đảo đó còn chìm nổi hai ba lần nữa và bình như đã chán không muốn trông thấy các nước đến tranh dành mình. Các việc trên này đủ tỏ rằng người ta bao giờ cũng vẫn thích chiếm các đảo. Nhiều đảo thì hồi thượng cổ đã có dân cư. Nauru đảo Sicile trong Địa-trung-hải, miền Nam Ý về đời thượng cổ đã có các giống người Sicanes ở, sau đến các giống Sicules, người H-lạp, người Péniciens, người Carthaginois, người La-mã, chưa kể các giống người trong đảo từ hồi có Thiên-chúa giáo đến nay. Vì thế mà nhiều cuộc chinh-phục

và nhiều nền văn-minh chống chọi trên đảo. Lại đến các đảo trong Thái-bình-dương được các nhà khảo-cứ về nhân-chủng học rất để ý. Bác-sĩ R vet viết: « Ngay từ hồi tối cổ đã có nhiều giống người từ các quần-đảo Ấn-độ và miền Nam châu Á dời xuống ở các đảo thuộc Úc-châu khá đông và lần lượt chiếm một phần hay tất cả các đảo đó. Các giống người đó là người Australo-Tasmaniens, người Mélanésiens người Micro-Polynésiens, người Indonésiens. Gống này đến cuối giống kia đi hay là ở lẫn lộn với nhau trên đảo ». Trên đảo Paques là đảo ở lẽ loi nhất trong Thái-bình-dương người ta thấy có vết tích giống dân Mélanésiens đến trước giống Polynésiens. Những người lớn lao rất ít tìm thấy trên đảo tỏ ra rằng dân đảo đó ngày xưa khá đông và có một nền văn-minh khá cao khác hẳn với mấy chục người lờ mờ trên đảo ngày nay. Nhiều dân tuy gồm có nhiều giống khác nhau và đến những thời kỳ kế tiếp nhau mà vẫn ở chung dung được với nhau. Đó là việc thường thấy vào hồi thượng cổ. Các giống dân mới đến không mạnh hơn các giống người bản xứ mấy nên không thể đánh đuổi được họ. Việc đó thấy xảy ra trên nhiều đảo ở Địa-trung-hải, ở một vài đảo ở Ấn-độ-dương, Thái-bình-dương như Madagascar, Ceylan, Đài-loan.

Các giống dân cổ bị diệt vong

Thường thường thì người ta thấy các giống dân mạnh hơn và văn-minh hơn đến chinh-phục rồi đánh đuổi hoặc phá-hoại các giống người bản xứ đầu tiên. Các nhà chinh phục người Âu như Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha, người Anh từ thế-kỷ 15 đến nay vẫn theo chính-sách đó. Trong hồi này, ở quần đảo Canaries có một giống dân rất cổ. Đó là giống Guanches hình như có họ hàng với giống Berbères ở Bắc-Phi. Khi Jean de Behancourt, người Tây-ban-nha đến chiếm đảo Canaries năm 1402 thì vẫn thấy giống người cổ này. Nhà thực dân đó bèn tìm cách truyền đạo cho họ. Giống này hầu như không có quần áo, chỉ có những tấm da sư tử để che thân, và chỉ dùng những khi giới thượng cổ như giáo bằng gỗ và rìu bằng đá. Họ không biết dùng kim-khí và không biết dùng các nhưng họ vẫn cây-cây, giống giọt dứa.

Thông-chê Pétain đã nói :

« Nhờ có bại trận mà mới đồng-tâm của quốc-gia được thật chặt; chúng ta sẽ đi quá quần đồ tìm sự bảo-vệ chung. Sự gần gũi đó, dù chỉ là tự-nhiên, là hy-vọng nâng đỡ nhau trong cuộc phục-hưng. Nhưng Quốc-gia Cách-mệnh cần phải cần sự thống-nhất của nước Pháp ».

Hãy im đi! những kẻ ghen ghét, những kẻ lưỡi
biếng, những kẻ chớ bai.

Các nhà thực dân đầu tiên đến ở trên quần
đảo hồi thế kỷ 15 không để cho giống dân
Guanches hưởng những cái tốt đẹp của văn
minh và đã vội diệt giống dân cổ đó. Khi
Kha-luân-bô mới sang Tân-thế-giới, trên
quần đảo Antilles vẫn có giống dân Caraïbes,
một giống thích đánh nhau và ăn thịt
người. Giống này đã từ Nam Mỹ đến đây từ
hai thế kỷ trước và đã diệt giống người,
Arawaks là giống ở trên đảo trước tiên. Vì
giống đó không chịu cay đắng nên chúng lại
bị các nhà thực dân Âu-châu đuổi đi. Trong
số 3 triệu dân Caraïbes ở trên đảo hồi 1492
khi người Âu mới đến, một thế kỷ sau chỉ
còn lại độ 15 ngàn thôi. Đến nay tại chỉ còn
lại độ một vài ngàn người lẫn với các giống da
đen và chỉ ở một khu đất danh tiếng cho
rộng độ 1500 hectares ở trên bờ biển phía
đông đảo Dominique. Nhiều giống dân ở
trên các đảo khác cũng chung một số phận
với giống Caraïbes ở Antilles. Như ở các
vùng rừng núi đất Terre Neuve, khi mới
tìm ra còn thấy nhiều nhóm dân Beothuks
có họ hàng với một giống người ở lục-
địa Mỹ-châu. Giống người đó tuy không
quá rầy ai, nhưng người Anh cũng không
để cho họ yên và ngay từ thế kỷ 17 đã đem
giống Mic Macs ở đảo Cap Breton lại
để đánh cho giống người bản xứ. Về giống
này người ta có thể nói rằng: một giống
người tru-mật đã bị người Anh xóa hẳn
khỏi số các giống người. Không phải riêng
một giống này bị diệt mà thôi. Giống
người Tasmaniens hồi 1777 khi người ta
mới tìm thấy đảo có từ 10.000 đến 20.000.
Đó là một người rất cổ của phân loại. Vì cho
là họ ngăn trở công cuộc thực dân trên đảo
nên người ta đánh đuổi họ như những con
thú dữ. Có khi họ bị các nhà thực dân và
các người trồn khỏi ngục-thất bắn chết.

Ở Úc-đại-lợi cũng vậy, hồi thế kỷ 18 trên
lục-địa đó, còn có những dân bản-xứ đang
sống ở thời kỳ dùng da, hầu không có quần
áo che thân và có thể đuổi kịp giống Kan-
gonrou.

Các nhà thực dân Anh rất thích săn đuổi,
khi thiếu lương thực và cây cối đã gần cạn
người này và những người bản-xứ cuối
cùng ở Úc-đại-lợi cũng đã bị diệt-vong như
giống người Tasmaniens.

Rồi đến khi các nhà thực dân cần dùng
nhân-công họ bèn sai hoặc cho tuyển giống
dân Canaques trên các đảo Salomons và
Nouvelles Hébrides bằng những phương-
pháp không chính đáng: lại một giống dân
cổ nữa bị diệt. Nhưng không phải riêng
người Anh chịu tra h. nhiệm về việc giết
các giống dân trái cổ. Giống Pygmées ở
trên các đảo Andaman, các giống dân rất lùn
ở đảo Bali (Nam-dương quần-đảo)
cũng đang sắp bị diệt-vong. Giống Fœdians
ở đảo Terre de feu (Nam-Mỹ) cũng chỉ còn độ
mấy chục người. Các giống người bản-xứ
ở các đảo Hawaii, các đảo Marqueses, đảo
Tahiti, đồng chủng với dân Karabu của
P. Lôi cũng biến dần dần trước cuộc xâm
lược hòng bình của các nhà buôn.

Về việc này, có khi không có cuộc diệt-
vong dã-mạt, cũng có thể xảy ra được, vì
ta nên tìm hiểu rõ nguyên-nhân. Ta chỉ
hồi tạo-hóa. Vì các giống cây cối và các
giống vật trên các đảo thường lùn thò, nên
phần nhiều do là nạn tra-ngu của các giống
người cổ không quen với các cách sinh-
hoạt trên thế-giới này nay. Cũng do lẽ đó
mà trên đảo Madère và quần-đảo Canaries,
xưa kia vẫn có những cây cối rất lùn mà
người ta đã phá hủy đi để cây cối. Cả các

(xem tiếp trang 23)

Trước Kha-luân-bô, người Tàu, người Mông-cổ và người Wikings đã tìm thấy Mỹ-châu ?

Hiện nay ai ai đều biết

rằng chính ông Kha-luân-bô

(Christophe Colomb) đã tìm

ra Mỹ-châu tức Tân thế giới

vào năm 1492. Đó là điều mà

các nhà học giả và các sách

địa-dư, sử-ký đều phải công

nhận là đúng. Thế nào nói

trái lại sẽ bị coi là điên đồ.

Nhưng nếu để ý suy nghĩ

ta phải lấy làm lạ rằng Mỹ-

châu là một lục-địa đã có trên

mặt địa cầu từ lâu cùng với

các lục-địa khác, thế mà vì

đầu mũi đến thế kỷ 15, người

ở cựu lục-địa mới biết có

khoảng đất liền rộng lớn đó?

Khi ông Kha-luân-bô và các

người tây long đi chân lên

đất Mỹ-châu thì ở Tân-thế-

giới đã có nhiều giống người

sống ở đây. Người ta vẫn cho

rằng trên cõi đất đó xưa kia

không có các giống người tiền

cổ và có lẽ dân ở Mỹ-châu

Thế kỷ thứ V, mấy
nhà sư Trung-hoa
đã đến truyền bá
Phật-giáo ở nước
Fonsang (chắc là Mỹ
châu) ở phía đông
Trung-hoa 11.500
cây số

Người Bông-phương với
Mỹ-châu

Hình như trong thời-kỳ
gần đây (nghĩa là vào khoảng
đầu kỷ-nguyên Thiên-chúa),
cũng có nhiều nhà đi bề 'do
bạo đã đến đất Mỹ-châu. Các
sư-già Trung-quốc là những
cuộc đi bề đến những miền
rất xa hình như thuộc về lục-
địa. Nhà làm sư Keon-
Kan-Chon về thế kỷ thứ nhất
ở Tchou-Ya ở cách nước Nhật về
phía Nam độ 2.000 cây số.
Muốn đến nước đó phải đi
thuyền về phía đông-nam độ
một năm, khi đến nơi thấy
nhân dân trong xứ đều trần
trưởng.

Một sư-già Tàu khác có
thuật rằng vào khoảng năm
500 sau Thiên-chúa giáng
sinh, một vị sư người Tàu đã
đến nước Fonsang về. Nước
này ở phía đông nước Tàu
cách độ 11.500 cây số. Nhà

sư Hoi-Chin người Tàu cũng
thuật rằng, khoảng năm 468
sau Thiên-chúa có nhà sư
sang nước Fonsang để
truyền đạo của đức Thích ca
mâu ni. Các nhà sư này có
đem theo cả sách kinh, các
tượng, tranh Phật và các
thứ đồ thờ. Khi đến nơi lại
dụng châu và lập ra những
luật lệ về việc tu hành, do đó
mà phong tục trong xứ đều
thay đổi. Sản vật trong xứ là
đồng, bạc, vàng nhưng không
có sắt. Lại có cả chữ viết còn
các nhà xưa thì đều làm bằng
đồng. Người ta còn thuật nhữn
chuyện khác nữa về những
cuộc thám hiểm ở những xứ
xa xôi như thế. Những xứ
đó không rõ có phải là thuộc
đất Mỹ-châu không? Nhưng

một chuyện có thể tin chắc
được là về hồi thế kỷ 15, một
hạm đội chiến thuyền do
Nguyễn thế tổ Hốt tất Liệt
phái đi đánh Nhật-bản, vì
gặp bão lớn nên đều bị lật
giật và nhiều chiếc bị bão
đánh sang tận bờ biển Nam
Mỹ.

Giống người Wikings mới
thật là những người tìm ra
Mỹ-châu trước

Xét trong lịch-sử các dân
tộc Âu-châu người ta thấy
nhiều chứng cứ đáng tin rằng
chính giống dân Wikings

DONGA

dân trí bá chúng, dù bạn khắp hiện thuốc loan
nước tại chúng pháp, tôi hơn hai các thực dân, có
tướng tại đây, 0345 một về. Đại lý Đức - Thắng
EC, médicaments Hanoi.

(trước kia ở đảo Groenland) là người dân đầu tìm ra bờ biển Bắc Mỹ trước tiên. Đảo Groenland ở phía cực bắc Đại-tây-dương là một đảo quanh năm phủ đầy băng tuyết do các dân Âu-châu đã tìm thấy hai lần. Lần thứ nhất dân Scandinaves đã tìm ra đảo đó vào khoảng năm 1.000. Dân này đi cư đến đây và lập nên những dải thực dân khá thịnh vượng trong ít lâu. Về sau, đường giao thông giữa đảo đó và chính quốc bị gián đoạn. Vì thế các dải thực dân đó bị cô lập và bị bỏ quên hẳn đến nay không để lại vết tích gì nữa. Đến thế-kỷ 15, người Âu-châu lại tìm ra và thực dân đảo Groenland lần thứ hai. Từ đây, các đường giao thông giữa đảo đó và Âu-châu không thay đổi nữa. Ngay từ cuộc thực dân lần thứ nhất, dân Vikings ở Groenland đã nhiều lần dùng tàu để đi đến tận bờ biển các miền Bắc-Mỹ. Hai nhà thông thái người Đức MM. Wolfgang Krause giáo sư trường Đại-học Königsberg và W. G. ere đã đề tài khảo cứu về việc-giao-dân Vikings đã tìm ra Bắc-Mỹ trước ông Kolumbus - bốn trăm năm. Những nguồn tài liệu đáng để khảo-cứu là những sách viết tay do các nhà thám hiểm ngày xưa để lại: cuốn Eiriks Saga của người dân Islande (giữa thế-kỷ 13), cuốn ký sự Groenlandinga thallir (thế-kỷ 13), cuốn ký sự về việc tìm ra xứ Vinland trong 60 năm lịch-sử của các vua xứ Na-uy: Heins Kringla.

Chuyện người Vikings tìm ra bờ biển Bắc Mỹ như sau này: Mùa xuân năm 1.000, Leif

là con Eirik le Rouge, người đã tìm ra và đến thực dân trên đảo Groenland trước nhất, đáp tàu từ Na-uy đến Groenland, không may gặp gió bão. Tàu giạt đến một xứ lạ có những đồng lúa mì và những ruộng giống nho. Vì tìm thấy ruộng nho ở đây nên xứ mới tìm ra gọi là Vinland. Leif không ở lâu trong xứ mới lạ đó. Chỉ ít lâu sau, ông lại lên tàu về Groenland và không gặp sự khó khăn gì trong khi vượt biển. Khi đi giữa biển, ông có cứu được mấy người bị nạn đắm tàu.

Xứ mới lạ mà Leif đã tìm ra đó là xứ nào? Trước người ta cho đó là xứ Floride. Nhưng các theo chiều các luồng nước bề và các luồng gió trên Đại-tây-dương thì xứ đó không phải là xứ Floride. Mà xứ đó cũng không phải là miền nhiệt-đới ở Mỹ-châu vì nếu thế thì Leif phải trong thấy nhiều cánh ông đã tả trong sách ông. Theo giáo-sư Krause, thì Vinland có lẽ là một miền không thể nào ở vào phía Nam xứ Nouvelle Ecosse ngày nay. Ba năm sau, thì đến các cuộc thám-hiểm của Karlsefni người dân Islande. Nhà đi về gần địa

VIẾT SÁCH GÌ ?

Những sách có tính-cách khảo-cứu về lịch-sử và khoa-học rất được nhà xuất-bản C.I.P.I.C. hoan-ngập, vậy các nhà văn có loại sách trên đây xin thương-lượng với C.I.P.I.C. số 72 rue W. de Haese (quận-lyon (de giá rẻ) hộ)

NGƯỜI ĐÓNG CỜ

VUA CỜ-TÍN VÀ CHIẾN-CỰ
Alfred NOBEL

người sáng lập giải thưởng hòa-bình quốc-lộ của Dương văn MÂN

có lẽ đại-dội này đến Groenland vào năm 1002. Ông lấy Gudrid là vợ góa của Thors-tei Eirikson anh Leif là người hồi năm 1001 đã định đi tìm xứ Vinland lần nữa nhưng không tìm thấy nên lại phải giong vờ Groenland. Ở lâu sau, Leif bị bệnh và chết trên đảo. Trong những đêm đông dài vắng đặc, Karlsefni được nghe kể nhiều chuyện lạ lùng về xứ bí mật mà Leif đã tìm thấy. Karlsefni vẫn ao ước sẽ được đi tới xứ đó. Nhưng theo những điều kinh-nghiệm từ trước thì khó lòng có thể đi đường bề cỏ mà đi tới xứ Vinland được. Theo lời một nhà săn bắn, Thornall, thì có thể đi từ một miền ở phía tây đảo Groenland đến xứ đó dễ dàng hơn vì có thể theo chiều gió ở miền bắc cực cho tàu qua eo biển Davis, rồi đi về phía Nam đến một bờ biển trông về phía đông và lan về phía Nam rất xa (đất Baffin). Karlsefni bèn nảy ra ý kiến đi con đường ấy mà đi tới phía Nam xứ Vinland Mùa hè năm 1003, ông đem ba chiếc tàu bè chở nhiều súc vật và hàng hóa rồi bắt đầu ra khơi. Trên tàu có tới 140 dân và số người đi có tới 140. Trước hết ba chiếc tàu đó đến quần đảo con gấu (Ours). Hai hôm sau thì đến đất Helaland, một miền bình địa (chắc hẳn ở phía bắc miền duyên hải phía đông xứ Labrador ngày nay giữa các vĩ-tuyến 60° và 56°). Đi thêm về phía Nam về Đông Nam, Karlsefni đến đất Markland, một miền rừng rú chắc là vào đường vĩ-tuyến 54° trên bờ biển xứ Labrador. Trên một đảo ở Markland, các nhà thám hiểm trông thấy một con gấu trắng. Vẫn đi về

phía Nam, các nhà thám hiểm đi qua một mũi đất mà họ gọi là Kjalarnes (có lẽ là Cap Bonia ở về miền cực bắc đất Terre Neuve ngày nay). Đi xa hơn nữa thì họ tới một cái vịnh bề dài và sau gọi là Straumsfjorfar là nơi họ lưu lại trong mùa đông năm 1003-1004.

Đến mùa xuân 1004, tình thế các nhà thám hiểm rất nguy ngập vì họ hết cả lương thực. Nhưng vì bất được một con cá voi, nên họ mới thoát khỏi tình hình nguy ngập đó. Theo một cuốn sách để lại thì hai người phải đi dò xét trong đất liền khi về con mang về những bóng lúa mì dại và những chùm nho dại. Đến mùa hè 1004 thì bọn thám hiểm chia làm hai; nhà săn bắn Thorhall ở lại Kjalarnes rồi lại đến ở lại bờ biển phía Tây, (chắc là tại miền Terre Neuve), còn Karlsefni cùng đi với phần đông thám thủ thì đi dọc bờ biển phía đông về miền Nam.

Trong cuốn ký sự Eiricko Saga lại có nói rõ rằng mùa hè đó Karlsefni đi thám hiểm rất lâu và sau cùng ông đến một cửa sông là nơi hai ông đã chịu hơn nhiều. Ông bèn lập ở đây một cái nhà để tạm trú. Ở đây trong các tháng lạnh cũng có những ruộng lúa mì và ruộng giống nho.

Lần thứ nhất, các nhà thám hiểm Bắc Âu gặp dân bản xứ hiền chiến Skralings. Bọn người này có ý chống cự với các nhà thám-hiểm. Vì hễ Karlsefni phải bỏ các nhà

cửa dựng lên để ở. Và ông lại có cảm tưởng rằng miền đó có lẽ chưa phải là xứ Vinland mà Leif đã tìm được. Đến mùa hè năm 1005, nhà thám-hiểm lại giong lên phía Bắc, đi quanh mũi đất, Kjalarnes rồi về tìm cho thấy xứ Vinland. Ông không thấy dấu tích gì của Thorhall vì ông này gặp gió đã về đến tận đảo Ai-nhi-lan là nơi ông sống cho đến lúc chết. Karlsefni còn đi mãi dọc bờ biển phía Tây xuống miền Nam cho đến cửa một con sông con và phải đánh nhau với các người bản xứ lần nữa. Các nhà thám-hiểm còn lưu lại ở miền Straumsfjorfar một mùa đông nữa và đến mùa hè 1006 mới giong về đảo Groenland. Có lẽ Karlsefni cũng đã đi qua về phía Nam đến bờ biển xứ Nouvelle Ecosse.



NGUYỄN - ĐỨC - CHÍNH

NHÀ AI

truyện dài đầy 416 trang. Giá 5000 mỗi phát hành, còn rất ít

THÁNG MANG SẼ CÓ BẢN

TRẺ THƠ

Ký niệm (thứ) học niên giá 1000
THƯ CHO MỘT THANH NIÊN ĐỒNG THỜI

Giá 1000

In gần xong :

KY sách mỹ - thuật - giá 1000
THƯ sách mỹ-thuật - giá 1000
HOÀN LẠC truyện ngắn - 3000

TÁC GIẢ XUẤT BẢN

126, Blockhaus Nord, Hanoi

Giáo-sư Krause cho là nhà thám-hiểm này không đi quá đất Terre Neuve. Ông đã đi vòng quanh phía bắc đảo đó rồi vì gặp phải người da đỏ nên trở nên không thể vào tìm đường đến xứ Vinland mà riêng một mình Leif đã trông thấy mấy năm trước. Cuộc thám-hiểm của Leif và Karlsefni có ảnh hưởng về sau. Nhiều người khác bắt chước hai nhà thám-hiểm đó và đi đường giao-thông từ Groenland sang Labrador và Terre Neuve đã thành sự thực hiện nhiều. Các sách sử của dân Islande thuật rằng thường có những tàu nhỏ ở đảo Groenland đi sang miền Markland để lấy gỗ.

Mấy thế-kỷ về sau, đồng thời với Kha-luân-bổ, lại có nhiều cuộc đi về của dân miền Bắc Âu sang miền Bắc Mỹ-châu. Người ta có thể kể đến cuộc thám-hiểm của người Đan-mạch và Bồ - đào - nha đến ở xứ nhiều cá thú vào năm 1473; cuộc thám hiểm của anh em Corte Real đến miền Labrador vào năm 1500-1502.

Mãi năm trăm năm sau Leif và Karlsefni, ông Kolumbus mới lại tìm ra đất-thế-giới và từ đó Mỹ-châu mới dự hẳn vào nền văn-minh của thế-giới và cuộc thực dân lần lục-địa mới bắt đầu. Chỉ vì dân Vikings không có óc khoa-học và thiếu sự khéo léo các thiếu cá thú nên không thể thực-hành được công cuộc đã làm đảo lộn các vận-mệnh của nhân loại vậy!

H.K.T.

Brillantine CRISTAL pure vaseline. En vente partout

TRUYỆN THẬT VỀ ĐƯƠNG TĂNG TÂY DU

Thời bấy giờ, Vua nước Ma-yết — đã là Giới-nhật-Vương, rất nhiệt-tâm phát-dương Phật-giáo.

V. — Đem theo về Trung-quốc 657 bộ kinh

Lúc ngài Đem binh đi đánh nước Cung-ngự-đa, nhân đường đi qua nước Ô-đô, được thấy quyển sách Phá-dại-thừa-luận (破大乘論) của vị danh-sư về phái tiểu-thừa là Bát-nhã-cúc-da-lam-ra, bèn bác học-thuyết của phái Đại-thừa một cách gay gắt. Các học-giả về phái Tiểu-thừa đều đua vào thiên văn-chương nổi tiếng ấy mà chê bai Đại-thừa, chẳng còn sót chỗ nào.

Giới-nhật-Vương lấy làm buồn, liền viết thư cho Pháp-sư Giới-hiền, cầu Pháp-sư chọn mấy vị đệ-đề cao-tăng cho đi tới nước Ô-đô, cùng bọn kia tranh cãi thí phi một chuyện, bèn vực học thuyết Đại-thừa.

Pháp-sư Giới-hiền tiếp thư, tức thời chọn lựa bốn người là Tri-quang, Sư-tử-quang, Hải-tuệ và Huyền-trang sai đi.

Ba người trên phụng mệnh thầy rồi lấy làm lo, chỉ sợ biện-luận thua người ta, thì coi vàng bồng tai hại cho phái Đại-thừa chẳng phải chuyện chơi. Duy có Huyền-trang cứ thản nhiên, không lấy làm bận lòng tí nào; ông nói:

— Tất cả kinh-sách Tiểu-thừa, tôi đã đọc qua, xem lý-thuyết họ không thể phá nổi Đại-thừa ta đâu mà lo. Tôi tuy tài hơn học kém, nhưng đối với vụ này đã có chủ-trương sẵn rồi, chớ vị cư-việc yên tâm. Vạn nhất có thua cuộc đi nữa, bèn nào tôi cũng là thầy-tu, nước ngoài đến, mọi sự họ theo tôi xin gán cả một mình, không để mất thể-diện của chư-vị đại.

Bọn Hải-tuệ nghe lấy làm mừng.

Huyền-trang tìm được quyển sách của Bát-nhã-cúc-da, ngày đêm nghiền ngẫm

từ câu từ chữ, thấy bên trong có một vài chỗ xem ra ý nghĩa mờ mờ khó hiểu.

May sao, vị Đạo-sĩ Bà-la-môn thua cuộc biện bác độ nọ và hiện làm nô-lệ mình, hồi trước từng đọc qua sách Phá-dại-thừa-luận nhiều lần, Huyền-trang bèn hỏi giảng qua một lượt là hiểu rõ ngay.

Rồi ông tìm ra bài Phá ác-kiến-luận gồm 1600 lời, đưa trình Giới-hiền pháp-sư xem trước; lại nhờ mọi người trong chùa cùng xem, hoặc thấy chỗ nào sai sót thì xin chỉ bảo thêm cho. Ai xem cũng phải khen ngợi:

— Lý-sự cứng cáp thế này, bọn kia chắc phải bại trận.

Thấy Đạo-sĩ Bà-la-môn có công với mình trong việc làm bài lý-luận, Huyền-trang trả lại tự do cho lão ta, không bắt buộc làm nô-lệ nữa.

Lão cảm động từ-giã, đi đến miền đông Ấn-độ, ra mắt vua nước Cưu-ma-ia, hết sức ca tụng Huyền-trang là người Đạo-đức học-văn đều cao. Vua Cưu-ma-la rất mừng, tức thời sai sứ đi mời Huyền-trang.

Trong lúc ấy Giới-nhật-vương đánh xong nước Cung-ngự-đa, dẫn binh trở về, nghe nói Huyền-trang ở triều vua Cưu-ma-la, tiện đường ghé thăm, tỏ lòng kính mộ.

Hai vua đồng lòng đánh phá học-thuyết Tiểu-thừa và phổ thâu công việc ấy ở Huyền-trang, bèn quyết-định tổ-chức một cuộc đại-hội ở thành Khúc-nữ.

Huyền-trang cùng Giới-nhật-vương, Cưu-ma-vương, bắt đầu mùa đông, ngược sông

Hằng-hà đi lên, mãi đến tháng chạp mới tới chỗ khai-hội.

Có 18 quốc-vương trong 5 xứ Ấn-độ, hơn 3000 vị Cao-tăng về phái Đại-thừa và Tiểu-thừa, 2000 người về đạo Bà-la-môn cùng các đạo khác, trên 1000 tăng-đồ ở chùa Na-hạn-đa, lúc tục kéo đến.

Thật là một cuộc hội-hop toàn-thế văn-hóa Ấn-độ; học-phái nào, tín-ngưỡng nào cũng có người đại-biên dự hội. Áo xiêm, voi ngựa, tàn quạt, quân-gia, nhất thời bày cảnh huy-hoàng náo-nhiệt ở Khúc-nữ-thành



giả gọi là một cuộc văn-hóa đại-hội cũng được.

Trước ngày ấy, Giới-nhật-vương đã sai dựng hai tòa Đại-diện, làm nơi khai hội; mỗi điện có thể ngồi hơn một nghìn người, rộng rãi thông thả. Lại xây hành-cung cách xa hội-trường năm dặm, về hướng tây.

Sáng sớm hôm khai hội, các vua chúa, các cao-tăng đại-sư, tòng hành-cung ra đi, quang cảnh trang nghiêm lạ thường, người đi xem đông như kiến.

Đầu hết là một con voi-lớn, trên lưng có hành, rất toàn vẹn ngọc; mình phủ riềm

thêu, chính giữa đặt một vị tượng Phật bằng vàng. Giới-nhật-vương cầm bạch-phất đứng hầu bên hữu, Cưu-ma-vương cầm bảo-cái đứng hầu bên tả. Kế tới hai con voi cũng trang-sức như trên và chở đầy hương-hoa quả-phẩm, đi theo hầu Phật; tiếp mình voi người ngồi, chuyên việc rải rắc hương-hoa cho thiện-nam tín-nữ đứng chật hai bên đường. Huyền-trang ngồi trên mình một con voi lớn, đi hàng thứ ba. Lũ lượt theo sau, 300 con voi chở các vị quốc-vương, các thầy đại-tăng. Cả đoàn nghiêm chỉnh hàng-ngũ, vừa đi vừa tụng-niệm lăm răm; dân-chúng hai bên cũng tụng-niệm họa theo. Ấy là tào lộng rợp trời, quân gia uy vệ, còn chưa nói tới.

Khi đến hội-trường, trước hết người ta cung nghênh Phật-tượng

vào giữa Đại-diện, đặt trên tòa sen, hai vua Giới-nhật-vương, Cưu-ma-vương cùng Huyền-trang lễ bái rồi, đến 18 quốc-vương và mấy nghìn cao-lăng cùng bái ban hành lễ. Dân-chúng cũng sắp hàng vọng-bái ở ngoài cửa điện.

Trong điện, đặt một đàn eao, để Huyền-trang ngồi làm chủ-tịch cuộc biện luận.

Huyền-trang bày tỏ đại-y bài luận «Phá-ác-kiến» của mình, rồi phái một vị Cao-tăng đem nguyên-văn tuyên đọc cho tất cả công-chúng nghe. Lại sai y một bản, đem dán ngoài cửa hội-trường, để những người

đại-hội cùng xem, và ai cũng có quyền biện-luận. Nếu xét ra trong bài có một câu một chữ nào vô lý, có thể bất hủ, mà Huyền-trang không cãi lại được, thì ông xin chịu chém đầu tại tội.

Từ lúc bấy giờ đến chiều tối, không thấy một người nào bước lên chất vấn biện bác gì cả. Đại-hội luôn 18 ngày cũng thế: chẳng ai đánh đổ được lý-thuyết của Huyền-trang. Đến hôm bế-mạc, Huyền-trang đứng trước công-chúng tỏ bày Giáo-ly Đại-thừa, khuyến bảo người ta cái tà quy chính v.v.v.

Ông đã thắng cuộc tranh-biện một cách vẻ vang.

Cứ kể những việc ông khắc khổ cầu học và làm nên thanh-danh ở Ấn-độ còn nhiều, mấy chuyện chúng tôi đã lược thuật, chỉ là một phần nhỏ mọn dầy thôi. Ai muốn biết rõ, hãy tìm « Tam-tạng pháp-sư truyện » mà xem.

Tóm lại, Huyền-trang vì sự cầu học bỏ nước nhà ra đi lúc 26 tuổi đầu, một mình một bóng, xéng pha 5 vạn dặm đường đất hiểm trở gian nan, đi qua hơn 170 nước, du-lịch khắp 5 xứ Ấn-độ, học với các danh-sư, ở luôn 17 năm, khi về đem theo 657 bộ kinh truyền bá học-thuyết Đại-thừa ở Trung-quốc, khiến cho Phật-giáo Trung-quốc phát ra một vẻ sáng rực rỡ, mới mẻ. Lại phiên-dịch « Đạo-đức-kinh » của Lão-tử ra chữ phạn, truyền bá sang Ấn-độ, khởi lên cuộc trao đổi văn-hóa giữa hai nước lớn nhất phương đông.

Ta có thể nói Huyền-trang là một du-học-sinh dễ thường sớm nhất thế-giới, và cũng nài lao nhàn khổ nhất, đáng làm gương cho thanh-niên muôn đời.

Ông đã tỏ hết kiên-nhẫn, vì sự học-vấn của mình, vì văn-hóa của tổ-quốc, vì tiền-đạo của Phật-giáo.

Mãi
ĐÀO TRINH NHẤT

SẮP CỐ BẢN:

Nguyễn công Trứ

của NGUYỄN BÁCH-KHOA

— Nguyễn công Trứ và đảng cấp sĩ triết quan hệ với nhau thế nào ?

— Cốt rễ xã-hội của tư tưởng và tâm lý Nguyễn công Trứ.

— Quan niệm hành lạc của Nguyễn công Trứ có mâu thuẫn với chí nam nhi của ông không ?

ĐÃ CÓ BẢN

KINH TẾ HỌC

Phổ thông

của NGUYỄN HẢI AU giá 3p50

HÀN - THUYỀN, 71 Tiền Tsin Hanoi

SẮP CỐ BẢN:

Khảo cứu về Tiếng Việt-nam

của TRẦN - NGÂN giá 2p50

Bước du ông mới

Tâm-lý tiên-thuyết
của DUONG - NGÀ giá 3p.00

Kim - Tự - Thập

của Phan-quang-ĐÌNH, 2p00

Nhà xuất-bản: CÔNG - LỰC
Nº 9 RUE TAYOU - HANOI

Thuộc tìm kẻ gian

Truyện ngắn của TÙ-THẠCH

Avril 1936. Tôi được 17 tuổi 8 tháng, nhưng tâm vóc lớn như một người con trai khỏe mạnh 20 tuổi. Thấy mình đủ sức ra trận được rồi, tôi ngỏ lời xin với ông quản coi cơ của chúng tôi (xin nói để độc - giả biết tôi là một enfant de troupe) hăm lên quan ba đốc trường, cho tôi được ra lính.

Những ngày đầu ở trại I Tôi bỏ ngỡ quá. Vì chưa quen cái không khí mới. Ông quan hai coi cơ-binh thứ 14e thấy tôi vạm vỡ sắp tôi vào với một « groupe » toàn các mười năm ở trại lính trẻ em có lúc nào tôi được ăn yến trong tay những bảo vật lính động như cái đồng hồ. Gang cũng ra ý thêm muốn ăn. Hắn đi mãi vào tai nghe tiếng giày chạy tích tắc, đôi mắt hắn - mắt ti hí và hay liếc trộm - liếc hắn đi, như hai đường chữ; hắn hiện lộ sự sung sướng đến cực điểm.

Trong bọn mới ra, coi Cổng có vẻ phong lưu hơn cả, có lẽ anh là con mới chức dịch trong làng, tự dưng được đề lập công danh. Anh ra lính mà mang theo một cái đồng hồ quả quít, nắp kền sáng mờ mờ, mặt kính nổi lên và pho hai cái kim màu biếc còn chúng tôi thì cổ-giá hơn, Gang và Định ngay dăng, lính bắt đầu vào trại độc có một bộ quần áo nâu sẫm khuya tay và quần của Gang rách một miếng tương ở đầu gối, còn tôi, con một người

lính già mần hạn, lấy đến có các thứ sang trọng như cái đồng hồ quả quít Ô-mê-ga kia. Ấy chẳng tôi quen miệng cứ đồng hồ nào cũng gọi là Ô-mê-ga cả, vì chỉ có hiệu đó là chỗ sản xuất ra cái thứ đồng hồ đẹp và quý như cái đồng hồ của Cổng. Hôm hẳn mới móc ở cái túi con khàn trên ngực chiếc áo cánh chực bấu của hắn ra, Gang, Định và tôi chú mục vào đó. Chắc Cổng cũng hơi đoán được cái lòng thêm muốn ở trong mặt chúng tôi. Trời! Như tôi xuất thân đã nghèo, lại gần mười năm ở trại lính trẻ em có lúc nào tôi được ăn yến trong tay những bảo vật lính động như cái đồng hồ. Gang cũng ra ý thêm muốn ăn. Hắn đi mãi vào tai nghe tiếng giày chạy tích tắc, đôi mắt hắn - mắt ti hí và hay liếc trộm - liếc hắn đi, như hai đường chữ; hắn hiện lộ sự sung sướng đến cực điểm.

Sự thật tôi ăn yến cái đồng hồ như một người mẹ ăn yến đưa con đến lòng của mình vậy. Tôi khi sắp đi ngủ, Cổng không cái vào hòm vì sợ sáng giầy sớm lại mở hòm lịch kịch, né vẫn đặt vào túi dệt. Chúng tôi biết cả; một đôi khi, ông đội bốn đã đi gọi áp-bên (appel) rồi, Gang và tôi còn ngồi nhòm giầy chanh nhau rút đồng hồ ở túi dệt của Cổng ra xem ông đội bốn gọi có đúng giờ không. Cái địa diện 15 nền

tháp đêm ở đầu hàng chiến lộ mờ vào mặt kính nhưng chúng tôi cũng trông rõ lắm. Đúng 9 giờ kém 15. Đồng hồ Ô-mê-ga có khác! Không sai một phút. Sau đó chúng tôi mới yên tâm vào màn. Không biết: Gang thấy thế nào, chứ tôi thì nửa đêm hay gần sáng thế nào tôi cũng mê thấy tôi có cái đồng hồ, ở cũng khàn một cái túi con ở trên ngực về bên trái, vì tôi nghe thấy người ta bảo thế mới đúng là một cử chỉ biết yên. Tôi nghe thấy tôi đi đẹp cùng một núp với cái điện dân làng lẽ và trường thiên của cái đồng hồ. Tôi mê thấy thế và lúc ban mai, kèn « la vey » trong sương sớm gọi giết tôi giết, tôi vẫn còn bàng hoàng.

Một buổi sáng, tôi nhớ hôm đó là hôm thứ 45 bắt đầu ở ngày đẳng lính, một buổi sáng rất đẹp, cái đồng hồ ỷ mất. Người ta ăn cắp cái đồng hồ của Cổng.

Ồ trời ơi! Tôi sột ruột quá, tôi gần như đau đớn tuy không là một vật của mình, nhưng tôi cũng tiếc, vì lòng đa-tình ngày đầu của tôi đã yêu nó quá. Có thể nào như thế được không? Người ta ăn cắp đồng hồ, người ta ăn cắp một vật dễ yêu như thế, một vật bằng kền mà linh-động. Người ta ăn cắp. Ý tôi từ ở sự nhớ tiếc cái đồng hồ chuyển sang cái ý xấu ra đi ăn cắp. Tôi

Cuộc Quốc-gia cách-mệnh đương
tiền hành, chúng ta đứng nên trả trả

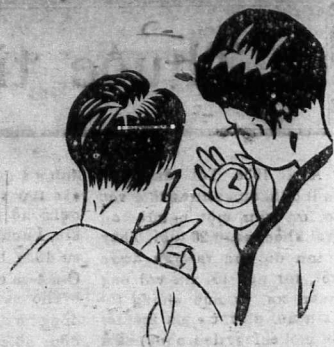
khốn khổ quá. Sao người ta lại có thể ăn cắp được, tôi tưởng tượng đến cái phút mà quân gian rón rén thả tay vào túi tôi rút cái đồng hồ ra, tôi muốn chồm giẫy đá phốc một cái vào mạng mỡ cho nó quay ra đó, mới hả dạ. Người ta ăn cắp! Nhưng ai? Chao ôi! Cống ngữ cho cả ba người nằm cạnh nhất là cho tôi, có vẻ lạnh lợi nhất trong đám. Phải còn ai mưu mô bằng cái thàng ấy nữa, nó khéo lắm, ừ tay mới có mấy hôm mà nó đã bắt cả các bộ phận trong cái đồng hồ, cái thàng ấy là tôi vậy. Tôi uất người lên, khi nghe tiếng buổi trưa hôm ấy ra vạ cấp này, tức xong công việc ra nghe láp-bô ở sân trại ông quân-cơ gọi số lính của ba

chúng tôi: Gang, Định và Tiến lập tức phải vào buồng giấy ông «Ba» (ông capitaine) có việc. Thưa Cống đã thưa ba chúng tôi có ta ăm. Tôi choáng người, khi thấy, trước mặt cái bàn giấy rộng sếp có ngăn nắp những tập giấy in, những sách quân-lược, nội

ông tây — ông ba này mới đổi về cơ được hai hôm — tôi mới biết mất một ông tây hai mắt sâu hoắm nhỏ và long lanh ánh thống minh, dưới đôi nạm lông mày rất rậm đã có cái hơi trắng như màu hồ-tiên. Đôi mắt ấy cứ rơi vào tôi. Tôi choáng người, sau định thần tôi mới bình tĩnh tự chủ được.

— 4180 à? —

Tôi rập hai gói giấy «sàng-đá» chụm vào nhau nghe rất kêu, và ưỡn ngực nói, rất mạnh: «Tôi đây» lời nói hùng dũng lắm, và mắt tôi



Cũng lúc này tôi mới nhận thấy sắc mặt Gang nhợt đi, gần xanh như da mặt người dân bộ mới ở cũ. Hắn nhìn đi phía khác, chứ không dám nhìn vào mắt ông ba. Đột ngột ông này hỏi:

— 4192, chính mày đã ăn cắp. (C'est toi qui as volé) Gang trả lời không, nhưng trong lời nói, tôi thấy sự yếu ớt gần như sự thủ tội. Ông ba quát lên tiếng nữa, nhưng hắn vẫn trả lời không. Một tiếng cười; tôi ngạc nhiên sao trong cơ hội này mà cái ông già cạp-lên kia còn cười được.

— Các anh — lời ông — đừng tưởng ăn cắp mà tôi không biết được đâu. Tôi hỏi để xem anh nào biết lỗi mình mà tự thú. Một cái lỗi đã thủ, thì nhẹ đi được một nửa rồi. Nhưng nếu anh ấy không thú, tôi cũng không cần, vì tôi đã có thuốc.

Ông nói và đi lại phía một cái tủ toàn ngăn, mở khóa cái ngăn đầu. Ông rút ra một cái hộp hình chữ nhật bằng bìa màu xanh, hộp cun cun có chữ in ở ngoài.

Ông của thận đặt lên trên cái nắp hộp và định đọc nói: (nhưng tôi này có linh thông ngôn dịch ra).

— «Tôi rất không bằng lòng đã phải dùng đến khoa học để tìm kẻ gian. Tôi muốn nói lại một lần nữa anh nào có lỗi thì tự thú đi, đừng giữ yên lặng mà sao sẽ hối hận. Thử ngay bây giờ tôi chỉ phạt bốn ngày tù thôi. Tôi sẽ thăm lên quan tự chỉ giữ cái hạn phạt này, không tăng nữa. Nếu để phải uống thuốc mới chịu nhận lỗi thì tôi sẽ trị thẳng tay, không một ít thương hại. Tôi sẽ phạt tám ngày sa-lim chuyển lên quan tự sẽ thành một tháng và đi cổ về khuôn đá; vậy thú đi.

Ba chúng tôi yên lặng. Quan ba cười và chỉ vào cái hộp xanh.

— «Đây là một thứ thuốc chế ra để trị một kẻ gian, tôi bắt mỗi anh phải uống một viên. — Ông vừa nói vừa mở nắp lấy ra ba viên thuốc bằng đồng xu màu trắng, y như viên thuốc Kalmine vẫn mua một hào ở hiệu thuốc tây.

— Uống thuốc này vào, độ mười lăm phút các anh sẽ đi giải và cái màu nước tiểu của người ngay kẻ gian sẽ phân biệt rõ ràng.

Vừa nói ông vừa cho tay cho ba chúng tôi mỗi người một viên. Định và tôi mạnh bạo cầm. Còn Gang, tay hắn run. Run run, run lần lên như không còn ở dưới sự sai khiến của thần kinh hệ nữa.

Ông ba vẫn cười, rất lạnh lẽo:

— Bây giờ tôi không muốn người nào tự thú nữa, tôi đã dùng hết cái lòng nhân

nhượng của tôi rồi, tôi muốn, tôi bắt đưa anh ăn cắp phải thú. — Các anh chịu đi. Tôi đợi.

Trời ơi! Bày giờ uống vào bụng rồi thì nó ngạt ruột, rồi một đi tiêu-tiểu quá, rồi muốn đi ngay để trông thấy lòng ngay thàng của mình để phở bầy với ông quan ba nữa. Định vẫn trầm lịch như thường với vẻ mặt lăm lăm ngu dại của hắn. Còn Gang, hắn không đứng yên được nữa. Hình như viên thuốc đốt suốt đốt gan hắn. Tay hắn run và tay mày vẫn về cái đầu vạt áo cổ vè. Người lính loong toong đã để sẵn ba cái bô con đựng nước giải ở góc tường. Mười lăm phút qua. Ông Ba nhìn đồng hồ tay gặt gù:

— Đủ rồi, cái hiện nghiệm

Quốc-Gia

SỞ ĐẶC BIỆT VÀ ĐỒI MỚI

Từ mars, QUỐC-GIA những số thường sẽ dài lại, một là ng ra một số đặc biệt tăng trên một triệu số, thật thần tốc, sự nghiệp... của một danh-nhân Việt-nam. Nổi tại lại có nhiều nhân vật phụ rất hữu ích cho quốc dân, cốt vận đặt cho nền văn học, sự học nước nhà. Do những cây bút tài luyện giữ bộ biên tập. Muốn có định, bản báo QUỐC-GIA xin viết thư về thường lượng.

QUỐC - GIA
67 NEYRET HANOI — TEL. 766

Bổ thận tiêu độc

Thuốc lọc máu tiêu hết nhiệt độ ngứa lở và đi-độc hoa 1 lần 10 0p30. Nửa tá 4p. một tá 7p50. Thuốc số 2 trị Lâm-trợ để mọi thời kỳ hợp 5p.

Nơi phát hành: TẾ-DÂN
131, Hàng Bông Hanoi
Mai-Linh, 60 Cầu-đất Hải-phong
Nam-Tiến, 42P. Bình-chợ Saigon

của thuốc ngấm vào lòng ngực, thảng hay tỉnh giấc thì rời. Các anh đi giải tôi xem.

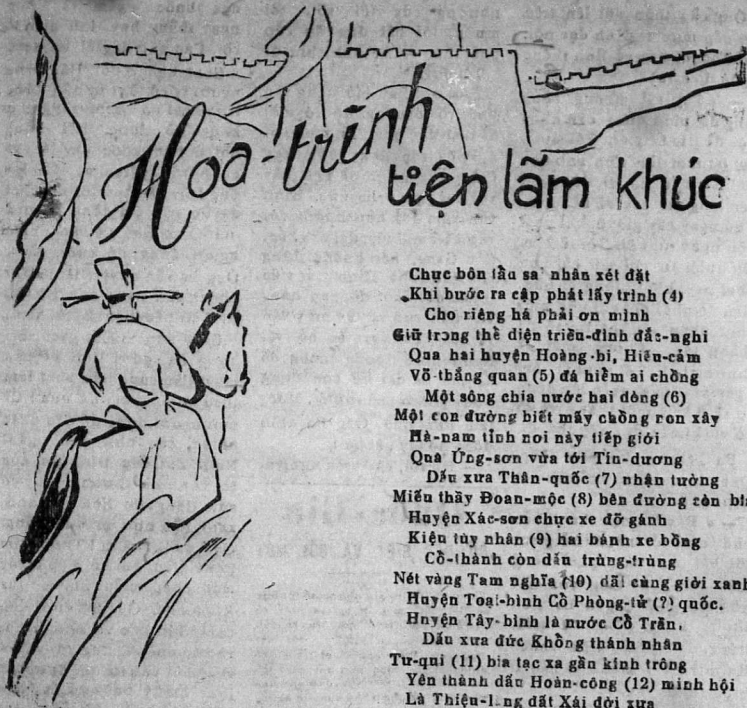
Gang không dài. Hắn cứng người ra có lẽ vì sợ hãi đứng trước cái bô, sừng sừng như khác quá dụng. Rồi bỗng nhiên hắn khóc um lên và chấp tay lại lia lia. Hắn lấy ông ba, hắn tưởng đã chột đi ăn cắp cái đồng hồ quý quí Ô-mô-ga. Cả bao nhiêu người đứng đó cười râm. Ông ba vẫn quyết liệt: «Tôi không cần nghe anh thú tội. Anh cứ tiến-tiểu đi tôi xem.

Gang sụp xuống gục, ôm bụng Ba người lính đỡ hắn dậy. Hắn cùng hắn phải làm theo lời ông ba. Là quá! Cả mọi người đứng đó đều ngạc nhiên, gần như ngơ ngác. Nước đầu của Định và của tôi vẫn như thường, duy có của Gang thì hóa ra xanh, xanh hẳn như màu lơ loang. Ô! Thuốc thành! Thuốc tim ra về gian. Tôi hồi hộp, tìm một phép mầu nhiệm của Khoa-học. Ông ba cười một cách kín đáo và hóm hỉnh, và cho phép chúng tôi về cơ. Đến mãi về sau, tôi được lên làm thư ký buồng giấy, một hôm ông ba nhìn tôi cười và hỏi «anh đã tìm ra cái mầu nhiệm của Khoa-học chưa? Anh có muốn biết không? Nhưng thôi tôi nói ra thì Khoa-học mất vẻ huyền bí mất. Anh có tìm mà hiểu». Bây giờ tôi mới xin bạn đọc mách hộ tôi cái chất thuốc làm cho và có nước dài hóa ra xanh gọi là chất thuốc gì?

Tôi hồi tưởng lại cái ảnh thông minh trong đôi mắt của ông già cạp-lên đã mưu kia và tôi ước ao lại gặp ông lần nữa.

TÙ-THẠCH





Hoa-trình tiên lăm khúc

Chục bốn lần sa nhân xét đặt
 Khi bước ra cấp phát lấy trình (4)
 Cho riêng há phải ơn mình
 Giữ trong thế diện triều-dinh đặc-nghi
 Qua hai huyện Hoàng-bì, Hiền-cầm
 Võ-thắng quan (5) đá hiểm ai chống
 Một sông chia nước hai dòng (6)
 Một con đường biết mây chông ron xây
 Hà-nam tỉnh nơi này tiếp giới
 Qua Ứng-sơn vừa tới Tín-dương
 Dấu xưa Thân-quốc (7) nhận tượng
 Miếu thầy Đoàn-mộc (8) bên đường còn bia
 Huyện Xác-sơn chực xe đỡ gánh
 Kiện tùy nhân (9) hai bánh xe bằng
 Cỏ-thành còn dấu trùng-trùng
 Nét vàng Tam nghĩa (10) dải cùng giới xanh
 Huyện Tọa-bình Cờ Phòng-tử (?) quốc.
 Huyện Tây-bình là nước Cổ Trần.
 Dấu xưa đức Khổng thánh nhân
 Tư-quí (11) hạ tác xa gần kính trọng
 Yên thành dấu Hoàn-công (12) minh hội
 Là Thiệu-lăng dấu Xai đời xưa
 Nền xưa trải mấy gió mưa
 Dậm xanh dương liễu bông là hoàng lương.
 Tục thổ-ốc, thổ-uông (13) pháp-giã
 Đầy nhân đi gao giá rất cao.
 Dịch xuyên hiện cũ thuật nào
 Nay là Lâm đình thuộc vào Hứa châu
 Châu thành có bản-đó (14) Tào-Tháo
 Tượng y-quan (15) miếu mào Văn-lương
 Ngọn thu ngọn được cương thường
 Văn-sơn-dinh thơ (16) hai nàng phu-nhân
 Dao trung nghĩa (17) cầm sán giới đất
 Mất cổ kim mất mặt gian hùng
 Tro-tơ đứng với non sông

V
 Ghé thuyền chiếu lệ kiến quan
 Vãng lai tặng tổng chu-toàn chủ tãn
 Bản hồi quốc bản văn tái đệ
 Soạn rương dài (1) chỉnh trị hành trang
 Trú nơi công quán Hán-dương
 Địa-phương khoản đón ngày thường chẳng sai
 Kiện sắp sẵn mỗi người một bộ
 Ba lục thêm (2) ón nhỏ phân minh
 Từ đây khởi lục tiên hành
 Kiện dài phu dịch nhật trình luân lưu
 Ngày tiên bộ tới vào công quán (3)
 Từ phận tra đương phân chỉnh tề
 Phận mình ai dễ trọng chi
 Trọng lúc quốc thể là vì quân an

LỜI CHÚ GIẢI— Đoạn này sau khi đến Hán-khâu, sứ bộ ghé thuyền lên bến, chiếu lệ vào

yết kiến các quan địa-phương và đệ trình công phẩm. Các cuộc vãng lai tặng tổng xong rồi, sứ bộ lại nhờ quan địa phương ủy chuyển đệ bẩm vào về nước giúp cho.

Theo nhật ký, hành-trình của sứ bộ, từ Quảng-tây lên tới Hán-khâu đều do đường thủy, thuyền bè sông nước, trải bao nỗi chật vật khó khăn. Công việc trình nghiệm ở Hán-khâu xong rồi, lưu lại Công-quán Hán-dương mấy ngày do quan địa phương phái người đưa đi du ngoạn khắp nơi, sự tiếp đãi rất ân cần chu chỉ. Tới hôm từ tạ khởi hành tiến kinh, quan Tào đã cho sắp kiệu sẵn sàng để sứ bộ đi, vì từ đó trở đi, đều do đường bộ cộ, qua hai huyện Hoàng-bì, Hiền-cầm thẳng tới Võ-thắng quan, là hết địa phận Hồ-bắc, đi vào địa phận tỉnh Hà-nam.

Cũng như hai tỉnh Hồ-nam, Hồ-bắc, tỉnh Hà nam này là một nơi có nhiều dấu vết trọng yếu trên lịch sử Trung-quốc, như miếu Tam-nghĩa, thôn Tư-quí, nền dân hội minh của Tề Hoàn-công, dấu cũ nơi Quan Công cầm đuốc thần đèn châu bá chọi đầu, đều làm cho các sứ thần mỗi nơi bằng-diệu hay ngoạn thưởng chưa chán cảm khái, hứng thú, càng nhau ngắm vịnh nên những câu thơ còn truyền tụng đến nay. Chính vì thế, nên riêng cụ Lân-Chai tác giả tập ca này, khi phụng sự trở về phục mệnh, được nhà

vuas cho phép về thăm quê, các bạn bè đều thăm bồi cụ khi ở đất Tàn có được cái gì quí lạ, cụ cười nói « Về phần tôi chỉ riêng được một túi thơ đầy mà thôi ».

- (còn nữa)
 SỞ-BẢO
- (1) Các hèm dương của sứ bộ
 - (2) Kiệu của ba sứ thần đi, do quan địa-phương Tào cấp, theo thứ bậc khác nhau
 - (3) Nơi chỉnh-phủ Tào đặt ở dọc đường cho các quan chức quan lại trú chân.
 - (4) Khi từ tạ mỗi nơi ra đi, quan Tào đều có đồ tặng
 - (5) Một cửa rất hùng vĩ, ở biên giới hai tỉnh Hồ-bắc, Hà-nam.
 - (6) Sông chia hai hải dòng nam, bắc.
 - (7) Một nước trong chế độ phong kiến đời Chu
 - (8) Tục là Tử-công học trò đức Khổng, làm quan ở đó, dân nhớ ơn lập miếu thờ.
 - (9) Kiệu các người theo hầu sứ bộ.
 - (10) Hai chữ vàng trên biển hoàng-hành trước miếu thờ ba ông Lưu-Bị, Quan-Võ, Trương-Phi.
 - (11) Khi đức Khổng sang chơi nước Trần, nhớ nước Lỗ muốn về. Vì vậy người sau đặt tên chỗ ngài ở đó là Tư-quí thôn và dựng bia.
 - (12) Đời Xuân thu, Hoàn-công nước Tề, hội các nước ở Thiệu-lăng, cùng cắt máu ăn thề, tôn thiên-tử nhà Chu, đánh kẻ nghịch mạng.
 - (13) Dân Hà-nam nghèo và quê mùa, nhà đất, đường đất.
 - (14) Đời Tam-quốc Tào-Tháo đóng ở đó gọi là Hứa-đó.
 - (15) Tào-Tháo giam giữ Quan-Công và hai vợ Lưu-Bị vào một nơi, có ý làm cho mất tiếng tăm, nhưng Quan-Công suốt đêm cầm đuốc chầu hầu, thấy vậy Tào-Tháo phải kinh sợ. Người sau lập miếu ngay chỗ đó để thờ Quan-Công.
 - (16) Nơi hàng ngày Quan-Công đến thăm hai phu-nhân của Lưu-Bị.
 - (17) Sân miếu Quan-Công có cảm ngọn Thanh long-đào.

GIÁ MUA BẢO			
	Một năm	6 tháng	3 tháng
Bắc-kỳ, Trung-kỳ 4 ...	18500	9550	5500
Nam-kỳ, Cao-miền, Ai-lao	20, 00	10, 00	5, 00
Ngoại quốc và Công sở	40, 00	20, 00	10, 00
Mua bảo phải trả tiền trước mandat xin đi:			
TRUNG-BẮC CHỦ NHẬT, HANOI			

MỚI CÓ BẢN : vọng tiếng chuông

- Một cuốn tiên-thuyết đầu tay của NGỌC-HOÀN.
- Một cuốn sách gối đầu giường của tất cả thanh-niên nam nữ.
- Một luồng gió mới trong rừng tiên thuyết Việt-nam hiện đại.

Sách dày ngót 200 trang, in trên giấy bìa tốt, khổ 12,5 x 18,5. Bìa 2 màu của họa-sĩ Bình giá đặc biệt 2p00. Mạ là xia trả tiền trước bằng mandat hoặc tem (cò) thêm cước phí; không gửi lịnh hỏa giao ngân. Thơ từ xin đi cho ông

Ng. văn-TRỢ, giám đốc nhà xuất-bản SẮNG, 48 quai Clémenceau Hanoi

Đặng-Thanh sợ người không muốn nổi tiếng, hoặc tránh sự động chạm vào lòng tự ái của Xuân, hoặc đợi ông này gần hồi mới nói. Hai người bây giờ mới có danh-phận trên dưới (một đồng vừa mới được phong thượng-tướng, một đồng vẫn chức tham-tan) khi đánh giặc Xiêm), nhưng trước là bạn đồng-học, lại là đồng-liên, cho nên trong lúc đối diện đàm tâm, không khỏi quên cả hình thức và có vẻ anh em thân mật.

Quả nhiên, Xuân nóng nảy hơi gắt:
— Nhưng có một điều thế nào?... Đang nói sao lại thôi đi?

— Ấy, tôi đang nghĩ về ông Thiên-lôi...
Đặng-Thanh vừa cười vừa đáp. Thật thế, Thiên-lôi muốn đánh bại búa chắc tay, không thể nào trệt, tất nhiên phải mài lưỡi cho sắc, lấy gân cho cứng rồi nhắm đích cho trúng, chỉ giáng một búa là xong việc, chứ phải đến hai. Nay ta muốn đánh một trận điệt-trừ tặc-dân, cần phải bắt chước Thiên-lôi mài búa lấy gân, nghĩa là trước khi định đánh, phải làm thế nào chấn phát tinh thần chiến-dấu của quân sĩ mới được, kéo họ khỏi một chán nản lắm rồi!..

Bị giải trúng ngay chỗ ngứa, Xuân hơn hớn vỗ vai Đặng-Thanh:

— Trời ơi! người ta vẫn bảo ông là cái túi khôn, thật quả như thế... Ông làm như soi thấy ruột gan tâm não tôi... Cỗ nhân nói: «Hạng người trí mưu, số kiến giống nhau»; chính tôi đang băn khoăn nghĩ ngợi về cỗ ông vừa nói đó... Thôi, giốc nốt túi khôn ra đi!... Bây giờ, ý ông định làm cách nào cho được chấn-phát tinh-thần chiến-dấu của quân-sĩ ta?

— Khó gì! Cho họ thả cửa ăn uống vui chơi mấy hôm! Đặng-Thanh trả lời vẫn tất.

— Việc ăn uống thì dễ, nhưng thả họ vui chơi, không lo liệu hại mất sức khỏe của họ đi sao?

— Không, kỳ thật trái lại, nếu ta biết xếp đặt các cuộc vui chơi cho họ. Phải hiểu họ toàn là người Thuận Quảng nghìn dặm vào đây, cậu nào lại chẳng có cái tình nhớ quê nhà; bấy lâu phải bỏ buộc thân-hình, đầu gối mưa nắng, bao nhiêu sự vất vả và kham khổ làm họ càng thêm bức bối mùa vui mấy giờ ta nên tìm cách cho họ giải trí mua vui mấy hôm, khiến tinh thần họ được thư-sướng phần chấn trở lại, lúc ấy sẽ nói chuyện đánh.

— Thế thì việc này tôi ủy-thác cho ông-huynh toàn quyền lo liệu nhé? Xuân nói và trao cỗ lệnh cho Đặng-Thanh. Nay, cỗ lệnh đây! Ông cố làm sao cho quân-sĩ vui vẻ bằng hái, khi nào khả-đĩ đưa họ ra xông pha chỗ chết được thì để đó phần tôi.



— Vâng, tiểu-đệ xin lĩnh mệnh, vì là tướng lệnh, mà cũng là việc chung của triều-định quốc-gia! Đặng-Thanh gật lấy cỗ lệnh và nói tiếp: Tướng-quân giao cho tiểu-đệ làm thầy lang chữa bệnh chẩn nắn của quân-sĩ, vậy thầy lang xin đi kê đơn bốc thuốc ngay.

Từ-giã viên-môn đi ra, Hoàng-đăng Thanh tức thời bắt tay vào công việc.

Trước hết, các cơ cấu đội đến chia ra ba phần, để hai phần ở dinh túc-trực, còn một phần thì được suốt ngày thông thả, cho phép đi dạo chơi phương-phổ trong Chợ-lớn hoặc các hương-thôn quanh vùng Gia-định. Mỗi người lính được phát hai tiền để tiêu dùng trong lúc ngao-du. Ngày mai đến phân khác trận hướng một ngày tự-do. Cứ luân phiên cứ lượt như thế, người lính nào cũng được hưởng ba lần giải trí riêng, cho tới khi có những cuộc giải trí chung.

Các hiện Hoa-thương trong Chợ-lớn và nhân dân ở Hóc-mòn, Gò-vấp, cùng tiếp được giải sức, kỳ hạn ba ngày, phải đem nộp quân-thủ: đèn, pháo, tre, gỗ, bánh trái hoa quả v.v... để dâng vào việc mua-lua quân-sĩ. Bọn khách Chợ-lớn đang cần mua chuộc cảm-tình của binh-triễn, có bao nhiêu đèn pháo trong hiệu đem ra nộp hết, mà không lấy về đồng tiền nào; lại còn tặng thêm các thứ thuốc men và đường mật vô số. Các món vật-dùng lục tục chở đến Xóm-chiến ngọt ngào chuyển xe và thuyền.

Mấy hôm sau, tại đây và ở Gia-định bày ra nhiều cuộc vui chơi chung cả binh-sĩ và dân chúng. Ban ngày có cờ người, đánh vật, bơi chải, múa gươm, bịt mắt bắt dê, thi lặn dưới nước; đêm đến rước đèn, đốt cây bông, hát tuồng Triều châu.

Nguyễn-Xuân khôn ngoan, tạm quên mình là bậc thượng-tướng, cũng đi dự các trò vui với binh-sĩ, hỏi han người này, vồn vã người kia, tỏ ra vẻ thân yêu mật thiết!

Luôn năm đêm ngày, binh-sĩ được ăn uống há hê, vui chơi thả cửa, ai nấy đều quên sự nhọc nhằn đã trải, có ý thăm cảm lòng tốt của triều-định và quan thượng-tướng đối với những người năm sương gối giáo, vì nước liêm thân. Tâm hồn họ phần nhiều mệt mỏi, không suy nghĩ gì xa xôi, cho nên chỉ một vài trò chơi và bữa chén, đã khiến họ thoải-phức tinh thần, giờ lại vui lòng để người ta giặt mũ đưa vào chỗ chết mà không chút gì ăn-hận.

Nhân-dân Gia-định trong thấy giữa lúc can qua bối rối, lại vừa mới bị trận đòn khua dạn, mà binh-triễn có vẻ ăn chơi nhàn hạ trần tình như vậy, tự nhiên họ đối với triều-định càng thay đổi tình cảm khác hơn lúc trước. Từ ra dân đạo vẫn thủy-chung phân-đôi triều-định và giữ nguyên tình cảm với nghĩa quân

Phiên-an, còn mọi người thì đã dần dà tin tưởng sức mạnh của nhà vua, chắc hẳn quân-giặc không chống cự được lâu nữa. Nhất là họ thấy Lê-văn Khôi đã qua đời, mà những người nổi chí thì kém tài năng và không được nhân-tâm ái-mộ như Khôi.

Nguyễn-Xuân thi-hành diệu-kế của Hoàng-đăng Thanh, như một mũi tên bắn trúng cả đàn chim, không những khôi phục được tinh thần quân lính, thu-bồi được bảo-y của nhân-dân, lại gián-tiếp làm cho náo nức tin nhiều vào cánh quân-giặc trong thành nữa.

Những kẻ theo giặc bởi tình-thế miến cưỡng, bây giờ thấy gió xoay chiều, không khỏi mạnh tâm phản-trắc.

Quả nhiên cuộc vui chưa tàn, Đặng Thanh đã nhận được mật thư của một người tên là Phạm-hữu Nguyễn sai kẻ tâm-phúc nửa đêm trao thành đem ra xin hàng.

Đặng-Thanh tất tả đem báo: thư lại trình Nguyễn-Xuân, nét mặt óng hồng:

— Tướng-quân xem cái mưu phản-khôn quân-tám của tôi có kết quả đến thế này: bên ngoài binh-sĩ ta vui chơi, khiến cho phe đảng quân-giặc trong thành náo nức!

— Nao nức gì đâu? Xuân gật đầu lấy báo thư và nói. Mấy bữa nay, quân-giặc trong thành hình như cũng bày trò vui chơi, khao thưởng bộ-hạ, có ý đối-chọi với ta...

— Ấy, bằng tướng giặc Nguyễn-văn Trâm quý quyết bày vẽ ra thế, muốn tỏ rằng ngoài thành chúng ta vui chơi nhàn hạ, thì trong thành chúng nó cũng nhàn hạ vui chơi, không kém cạnh gì! Nhưng phe đảng chúng nó nào phải trung nghĩa hy-sinh với nhau cả đâu, tướng-quân cứ xem bức thư sẽ biết.

Nguyễn-Xuân vội vàng khều đèn lên, xem bức thư, thấy văn-chương trôi chảy, từ ý có vẻ thật thà, khẩn thiết.

Phạm-hữu Nguyễn, người viết mật-thư ấy, trước vốn là quan lại của triều-định.

Cùng các bạn mua báo T. B. C. N. ở Cambodge

Kể từ ngày nay M. Võ-văn-Rót cử động viên của bản chi ở Nam-ky sẽ lần lượt đi cử động và thu tiền các bạn mua báo cả các nơi thuộc hạt Cao-mên. Vậy các bạn mua báo T. B. C. N. ở Cao-mên thì nay nếu ở xa nơi mua bưu phiến thì xin cứ giao dịch và giả tiền báo với M. Võ-văn-Rót là một cử động viên rất có tin nhiệm của bản chi vậy.

Kính cáo
TRUNG-BẮC CHỦ-NHẬT

hầm tri-huyện Vĩnh-trị thuộc tỉnh Vĩnh-long, giữa lúc quân gặc chiếm cứ tỉnh này vào hồi tháng sáu tháng bảy năm ngoái. Đảng lễ giữ thành đến chết, trọn đạo trung-hân, Nguyễn hèn nhát sợ hãi, lạy lạy như tế sao và xin hàng gặc, lại hiến nhiều mưu chước khôn khéo, giúp sức cho gặc trong công việc binh-dinh Lục-châu. Vì lúc ấy Nguyễn thấy thế gặc mạnh như sấm, như sét, tưởng bề nào Lê-văn Khôi cũng xong việc khai cơ lập quốc ở miền Nam, thì mình không mất địa-vị khai-quốc công-thần. Cứ-lại những phương quan-lại khiếp nhược, sáng phò vua, tối theo gặc, là bởi sợ chết, mà cũng bởi muốn sống với công-danh phi-thường như thế.

Nhờ lập công nhiều, Nguyễn được Lê-văn Khôi đề ý, gọi lên Phiên-an, phong cho một trọng-chức trong phủ đại-nguyên-soái, giữ công việc văn-thư giả thiếp.

Từ hồi thành bị vây, và trước ngày Khôi mang bệnh qua đời, Nguyễn được Khôi thăng lên chức đồng-nhưng, giúp Hậu-quân đại-tướng Võ-vinh Lộc cùng giữ cửa Tuyền-bồn là chính-môn thành Phiên-an. (còn nữa)

HỒNG-PHONG

THU-XÃ ALEXANDRE DE RHODES
MỚI XUẤT BẢN:

LÊN TÁM

của TÂN ĐÀ

80 trang lớn, khổ 22 x 32, toàn tranh ảnh và bia 4 màu của họa-sĩ Mạnh - Quỳnh. Một cuốn sách tập-đọc rất lý - thú bằng thơ của thi-sĩ Tân-Đà để dạy những trẻ em được học và được vui-thích.

Bản thường 1p50
Bản giấy Đại-La. 6p00
Cước bản thường. 0p40
Bản tốt. 0p50

Tổng phát hành: MAI LĨNH
21, RUE DES PIPES — HANOI

NHÀ-XUẤT BẢN

BÁCH- VIỆT

40, Rue du Cuirre — Hanoi

In những sách giá trị mang dấu
hiện một nghệ-t thuật tiên-bộ
thư và năng đa đả gửi cho M. PHÙNG VĂN HỢP

SẮP CỎ BẢN:

CHUYỆN HÀ - NỘI

của VŨ NGỌC PHÂN

AI đã qua chơi Hà nội? AI chưa đến Hà-nội bao giờ? AI thực là người ở đất Hà-nội? Nếu chưa đọc **CHUYỆN HÀ-NỘI** chưa thể biết Hanoi ra sao. Hà-nội xưa Hà-nội đẹp. Hà-nội cũ. Hà-nội mới. Người Hà-nội. Y-phục Hà-nội. Hà-nội đài các. Hà-nội văn-chương. Tất cả mọi chuyện Hà-nội đều ghi đăng những nét tài tình trong **CHUYỆN HÀ-NỘI**, cuốn truyện ký đầu tay của Vũ Ngọc Phan. Mỗi cuốn giá 2\$20 (hàng quý 15\$).

Để cho được lịch sự và đẹp đẽ như Hà-nội kinh kỳ, sách in rất công phu và trên cuốn nào cũng có chữ ký của tác giả.

ĐƯƠNG IN:

XÓM GIÈNG NGÀY XƯA

tiền thuyết của TÔ HOÀI

NHỮNG NGÀY THƠ ẤU

ký ức của Nguyễn HỒNG

NHÀ QUÊ

tiền thuyết dài đầu tay của Ngọc GIAO

HƯƠNG KHÔI

tiền thuyết của Mạnh phu TỰ

CẦN KÍP. — Những người đại-lý nào chưa nhận được **giấy com-măng xin kíp** biên thơ ngay về cho chúng tôi

Nhân-sinh địa-dư, một khoa-học thực-nghiệm mà ta cần phải biết qua

(tiếp theo trang 6)

giống cây « eucalyptus » ở Úc-dại-lợi và Tasmania, các giống chim đã di chuyển ở Madagascar và trong các đảo Ấn-độ-dương và giống ruồi to lớn ở các đảo miền nhiệt-đới cũng cùng chung một số phận đó. Trong nhiều đảo, các giống cây và giống súc vật bản xứ đã bị hại nhiều khi người ta đem các giống cây và giống vật Ấn-châu vào các đảo. Nuôi giống mới đó đã sinh sôi nảy nở nhiều đến nỗi đã trở nên một cái hại lớn.

Các đảo còn là nơi trú ngụ của các nhóm dân yếu ớt trong nhân-loại. Ở trong rừng và trong núi non hiện nay vẫn có nhiều giống người ở lẻ loi xa hẻo lánh sông văn-minh: đó là các « đảo người » theo tiếng gọi của Jean Brunhes. Đến nay, nay nhiều giống ở các đảo vẫn sống riêng biệt, xa hẳn đại-gia-dinh nhân-loại, hình như họ theo một nền kinh-tế riêng, cả dân các đảo ở trong những bề có nhều tàn dư qua lại. Các báo ở Âu-châu trước đây có đăng tin rằng đảo « Sercq », một trong các đảo Normandes của Anh, hiện nay vẫn theo các phong tục đời trung cổ và vẫn cai trị theo phép hồi phong-kiến.

Các quần-đảo ở Bắc-Đại-tây-dương như đảo Féroé, đảo Hébrides, đảo Jolande, do dân Scandinaves ở từ hàng ngàn năm nay và hiện nay vẫn là một dân tộc cổ. Nước có nhiều đường bè qua lại nên dân các đảo đó hiện nay tiến bộ rất nhanh chóng.

Người ta ở đâu cũng muốn thay đổi cho như luật và cũng vẫn là kẻ phá hoại dĩ-vãng. Từ từ ước đến nay, người ta càng tiến bộ thì đức-giáo càng mạnh thêm.

Các giống người cổ có thể bảo-lấn được như vậy rồi sức vật chẳng?

Đó là luật đã o-thải hiện-nhiên không thể tránh khỏi. Đối với cây cối và súc vật, muốn bảo tồn là việc rất đơn giản, người ta chỉ việc lập ra những vườn bảo-vệ, những trại bách-thú, những khu rừng cấm lữ đảo.

nào, lục-địa nào cũng có, và các nhà thông-thái tất cả các nước nên cần đến yếu-cầu lập ra ngay. Ở đảo Guadeloupe hiện có chủ-nội thú voi hề ở Californie, ở đảo Mont Désert do Champlain tìm ra năm 1604 và hồi đó không có người, thì dùng làm nơi để nuôi các giống khác. Người Pháp và người Anh lập ra nơi đó để bảo-lấn các giống cây và súc vật của các đảo miền Nam: Saint Paul, Kerguelen, Nouvelle Amsterdam, Falkland.

Nhưng đối với người ta thì rất khó. Các giống người cổ sống bằng hoa quả hái trên rừng; các giống người sống bằng cách săn bắn và đánh cá phải cần có những khoảng đất rộng mới sống được. Người văn minh vẫn dùng nhiều phương pháp để săn bắn súc vật rất nhậy, một việc đó cũng có khiếm cho các giống người cổ không sống nổi.

Từ trước đến nay người ta chỉ có cách dùng một vài hòn đảo để bảo thủ các giống người cổ. Chính-phủ Hà-lan trước đây đã từng dùng đảo Bali để riêng cho các người bản-xứ ở trong đảo này cả các nhà thờ-dân và các cơ đạo không ai được phép đi. Các nhà thông-thái người Pháp vẫn yêu cầu bảo tồn giống Pygmées ở đảo Ruland và đảo Andaman nhỏ. M. Aubert de la Rée đề-nghị lập đảo Ambrya trong quần-đảo Nilles Hébrides thành nơi nuôi giống Canaques. Đó là nơi hiện có 3.000 dân Canaques không lẫn lộn với giống khác sống theo đời thái-cổ. Trong một cuốn sách của nhà thông-thái này, người ta thấy kế chuyể sau này về giống người ở trên đảo Terre de feu: Theo một thói quen rất lạ và rất thông-thường đối với phần nhiều người văn minh đem hạt giống văn-minh rải-rác trong các dân tộc thấp kém, người ta vẫn thường sang sự trên trường của giống người Fuégiens là một sự nhục nhã lớn. Vì thế người ta bắt họ mặc quần áo. Kết quả việc đó như sau này: vì khi quần áo thấp và thường mặc quần áo của người bản-xứ mặc không

Đang giờ khổ, vì thế mà họ dần dần mất hình dạng phổi rồi chết hết.

Việc này rất đáng. Dưới một khi hậu như thế, nếu người ta cho giống dân bản xứ mặc quần áo len thì tốt hơn nhiều. Nhưng trong việc các người bản xứ bị diệt vong còn có nhiều cơ sở đáng nói hơn. Việc người bản xứ vẫn khinh thường sinh mệnh của các người da trắng; việc pha lẫn các giống, các loài truyền nhiễm, rượu, việc làm cho các khu dân bản xứ súc vật đi đến nỗi người bản xứ không thể tìm được đồ ăn nữa; việc rất nhiều những khu đất đỏ hiện nay đang để nuôi cừu, đó là những nguyên nhân chính còn tại hại hơn các thứ vãi rỗng; vì tiền do các giáo-tội cấp cho dân bản xứ nhiều.

Nhưng đối với dân các đảo, không phải dân nào trình độ cũng thấp kém cả. Người ta là một loài vật tự do có thể phản động khác nhau đối với các luật thiên nhiên của tạo vật. Một vài dân tộc các đảo không những chỉ đứng yên ở một trình độ văn minh mà thôi, lại còn đứng đầu các nước về văn minh là khác. Ví như giống dân Polynesiens ở đảo-Tyr về thời cổ. Lại như thành phố Venise cũng là một đảo con làm nơi trú ẩn cho một dân tộc đã suy bị suy đồi nhưng sau lại rất phồn thịnh. Thành phố lập ra từ năm 458 trên mấy hòn đảo ở cửa sông Pô, do tay người giống La-tinh ở xứ Padoue tránh cuộc xâm lăng của giặc Hung-nô. Vì sự cần thiết mà trở nên những nhà đánh cá, dân thành Venise đã chống tiến bộ đến nỗi, sau này làm bá chủ các miền bờ Đông Địa-trung-hải. Lại đến dân Anh-cát-lơ ở đảo quốc Anh từ gần ngàn năm nay vẫn đánh lui được mọi cuộc xâm lăng và đã lập nên được một đế- quốc lớn

nhất thế giới. Sau dần dần Nhật trên các đảo Phù-tang từ xưa vẫn là một dân hùng cường và hoạt động nhất trong các dân tộc Á-châu.

Từ nhân dân các đảo đến vấn đề thực dân của các nước văn-minh Âu, Mỹ

Cứ suy tư vấn đề nhân dân các đảo người ta có thể hiểu rõ vấn đề thực dân của các nước văn minh Âu, Mỹ ngày nay. Việc dân Anh đi cư đến Úc-đại-lợi, và đảo Tasmanie, việc dân bạch chủng và các nô-lệ da đen đến ở các đảo Antilles là những vấn đề thực dân cổ. Công cuộc thực dân ở miền Nam-Mỹ nguyên thuộc Tây-ban-nha ở miền nhiệt đới, ở Mê-tây-cô, ở Chili đã thực hành theo một kiểu hơi khác. Sau khi ông Kha-luân-bô tìm ra Mỹ-châu, cuộc chinh phục rất nhanh chóng, các nhà thực dân Tây-ban-nha rất ít. Các nhà chinh phục và các nhà thực dân không để ý gì đến hạnh phúc của dân bản xứ, chỉ cốt giữ dân đó trong cảnh nô-lệ, chỉ cốt lấy vàng và có nhân công để khai khẩn các mỏ và để dùng về việc giống giết các thú cây lương liệu để đem về Âu-châu. Các người Tây-ban-nha đi dân sang hoặc là vô quan, hoặc là công-cước hoặc các nhà thực dân muốn làm giàu nhanh chóng là gốc của giống dân lai nối liền giống người Tây-ban-nha hoàn toàn và các người bản xứ thuộc những giống đã hơi tiến bộ. Do đó mà sinh ra một hàng-dân mới liên lạc chặt chẽ với đất Tân-thế-giới chỉ nhớ đến chính quốc xa xôi một cách phảng phất.

Các phương pháp thực dân đó không hợp với tinh thần chúng ta ngày nay nữa vì thế người ta mong cáo nó bị diệt. Các quan cai-trị Âu, Mỹ ngày nay đã dùng những

phương pháp khác hẳn để khai khẩn đất-cước của họ, đối mới và làm cho trẻ hẳn các phương pháp cổ hữu là những pháp mà các nhà thực dân về thế-kỷ 18 và hồi quần chủ Pháp như Dupleix. Montcalm đã dùng để bắt các giống người bản xứ hợp tác vào của cải của các thuộc-địa cũ của Pháp đã mất.

Trong công cuộc thực dân của người Pháp đó một trường hợp đặc biệt. Đó là vấn đề nhân dân ở miền trung châu xứ Bắc kỳ ta, một miền đóng dân nhất của xứ Đông-dương và trên khắp hoàn cầu. Miền đó là một đồng bằng chỉ rộng độ 12.000 cây số vuông do đất phù sa của sông Nhị-hà và sông Thái-bình bồi lên. Khí hậu thuộc nhiệt đới chia làm hai mùa khác nhau bởi gió mùa. Một thứ gió gây nên một mùa rét và khô ráo về mùa đông khi gió đó từ miền núi thổi xuống và một mùa nóng và ẩm thấp khi gió mùa thổi từ Ấn-độ-dương vào nghĩa là từ Mai đến Novembre. Sau cuộc chinh phục người Pháp đã phải cai trị một số dân khá đông (mỗi cây số vuông có tới 300 dân bản xứ đối với 75 người ở Pháp) người dân mình ở đó sống ở giữa những đồng lúa lấy nước bằng những phương sơ sài. Cây lúa gieo và cấy trong đất bừa và giống lúa là công việc của các gia-đình Việt-nam từ cổ chí kim. Mỗi gia-đình chỉ cấy một khoảng ruộng rất nhỏ trung bình độ 4 ares. Chỉ một sự gián đoạn bất ngờ độ mấy hôm trong gió mùa cũng đủ để làm cho các gia-đình bị đói kém. Sự đói kém đó càng nguy kịch hơn nếu nước mưa nhiều quá và để ở ven các sông ngòi bị vỡ. Dân quê ở miền trung châu Bắc-kỳ rất nghèo và vì thiếu ăn hàng bao nhiêu thế-

ký nếu lại yếu ớt, thường mắc bệnh sốt rét. Phong tục hiền hậu, dễ dãi, sinh đẻ nhiều. Các phương-pháp vệ-sinh của người Pháp lại làm cho nạn nhân mắc càng tăng thêm. Dạng cách gì để nuôi được những người không quen làm những công việc ở xứ khí hậu khác ví dụ ở miền núi lân cận? Các nhà kỹ-sư Pháp đã giải quyết vấn đề nhân bản bằng cách xây những đê chắc chắn, những đập chắn nước, nhờ đó mà tăng thêm số ruộng cấy cấy được bằng mấy ngàn hectares. Hiện nay vẫn xây thêm nhiều đập nước khác. Cải cách sách trị thủy đó lại thêm có chính sách cho vay giúp cho thêm hoàn toàn. Việc mở mang các nông phố ngàn hàng theo pháp Âu-Tây đã giúp cho dân quê xứ này tránh khỏi cái ách bòn «set ty» cho vay nặng lãi.

Vấn đề thực dân ở mỗi xứ, mỗi miền tùy theo khí hậu thổ địa và nhân dân từng xứ, từng miền mà khác nhau. Như các rừng núi trong miền xích đạo là nơi trú ẩn của các giống người còn dã man chỉ sống bằng hoa quả trong rừng và săn bắn. Miền rừng núi của xứ Côte d'Ivoire (Tây Phi) là quê hương của một giống dân da đen đen tuyền. Đối với những dân như thế thì dùng cách gì để khai hóa được? Nhất là các miền rừng núi đó, khí hậu và thủy thổ lại không hợp với người Âu châu? (giới men luôn và bản thổ biến chỉ thay đổi từ 20 đến 30 độ). Muốn khai khẩn các miền đó, cần phải có nhiều tư bản và nhân công. Đó là một cách thực dân trái hẳn với phương pháp trên kia. Người Pháp đã tự tập các người bản xứ nói cùng một thứ tiếng để thành từng làng lớn ở những địa điểm để đi lại, bắt buộc họ làm việc và giống giết

GIO BUI KINH THÀNH

tác phẩm hay nhất của CẨM AI (tác giả tối thiểu) - Cuốn sách ham mê của những ai muốn hiểu rõ những cái xa hoa lộng lẫy và... những ngổ ngáo của dân tối của Kinh Thành. Sách in rất đẹp. - Giá 1p50.

ĐƯỚI BÓNG CỜ SƠN

Hịch sử tiền tuyến của HẢI BÀNG. Ai đã đọc TRĂNG SĨ VÀ HẠNH và trên 20 cuốn sách giá trị của Hải Bàng không thể bỏ qua được cuốn sách về công giá trị này. 260 trang (3p).

XUẤT BẢN: nhiều cuốn sách VUI, HAY, LI-KY và ĐẸP trong tủ sách nhi đồng và hơn 100 cuốn sách đủ các loại đã từng được hoan nghênh nhiệt liệt. Mỗi Catalogue.

NHÀ IN Á-CHÂU XUẤT BẢN 17 EMILE NOLLY HANOI TEL. 1260

ĐÃ CÓ BẢN:

LY TAO

CỦA
KHUẤT - NGUYỄN

(Một trong sáu bộ sách tài tử của Tầu) - Bản dịch của NGUYỄN TÔNG - Sách in khổ 17x38. Bìa litho 5 màu giá 6p.

Cùng một loạt đã phát hành

NGHÌN LỄ MỘT ĐÊM (Quyển VII)

Bản dịch đầy đủ và cặn kẽ như nguyên văn của TRẦN VĂN LAI

Cần thêm nhiều đại lý ở vùng SAIGON - CHỢ LÓN

SẮP CÓ BẢN:

TRIẾT HỌC ARISTOTE

- Một trong những công trình vĩ đại nhất của tư tưởng nhân loại.

- Trải hơn hai nghìn năm đã được coi như kinh thánh trong học đường và gia đình.

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT

29, LAMBLÔT - HÀ NỘI

những thứ cây cần dùng cho sự sống của họ. Các làng do là những "bếp sống".

Ngày nay các dân bản xứ đã hiểu rằng công việc và sự cấy cây để giúp cho họ được hưởng sự yên ổn mà ông cha họ không bao giờ được hưởng. Vì do mà sự bắt buộc giảm dần. Người Pháp còn tìm cách nâng cao trình độ sinh hoạt dân bản xứ bằng thêm số dân trong xứ. Đó vừa là danh dự vừa là lợi cho chính quốc.

Ở phía bắc các miền này là miền sa-mạc Sahara, một miền khô ráo quanh năm không có mưa. Vấn đề quan hệ ở các hệ cát này là vấn đề tìm nước.

Cả ở phía Bắc sa-mạc Sahara, miền Bắc Phi, vấn đề nước và cây của dân gian cũng vẫn là những vấn đề quan hệ nhất. Các vấn đề thực dân ở xứ đó là tùy theo các vấn đề đất đai và khí hậu riêng cho khu ở trên bộ Địa-trung-hải. Ở Bắc Phi và ở Syrie nếu trong mùa đông ít mưa thì mùa hè năm sau sẽ có nạn đói kém. Không một người Pháp có tuổi nào ở Algérie thường gặp xúc với dân bản xứ không nhớ đến những nạn đói kém và số người chết do sự mất mùa gây nên hồi xưa.

Không một võ quan nào ở trong miền sa-mạc trong lúc nhàn rỗi là không đi tìm suối nước, hay đào giếng hoặc xây những thùng chứa nước lớn. Số dĩ thực quan hệ như thế là vì nền thiên nhiên thì việc cấy cây không có gì là chắc chắn. Các nhà nông đã phải đổi mùa giếng giọt để có thể lợi dụng được các trận mưa mùa đông. Ở trong những xứ này, ngay từ hồi thượng cổ, người ta đã đẩy đến việc tìm nước vì có nước thì mới dùng cách đào thủy nhập điền để thay đổi việc cấy cây và làm cho số xuất sản của đất đai tăng gấp bội: những ruộng có màng nước mỗi năm có thể làm hai mùa còn những ruộng không có nước thì hạn hán mới có một mùa. Các xứ ở Ai-cập và Mesopotamie, số dĩ văn minh, phú cường là nhờ biết lợi dụng các vụ nước lên của sông Nile và của các sông Tigre và Euphrate, (nước hai sông này thì không đồng hơn). Người đời xưa, cả ở Đông và Tây phương, đều đã sống biết dùng cách đào kênh để chia nước các con sông để dùng nước sông cho đi. Người La-mã cũng có tiếng là những nhà trị thủy giỏi cũng

như người Hán đã biết trị thủy từ đời Vũ vương nhà Hạ. Ở Hi-lạp, ở Kabylie và ở bán đảo Tây-ban-nha xưa kia cũng đã biết dùng cách đào kênh dẫn nước. Trong công cuộc dẫn thủy nhập điền do các sông ở Ai-cập và miền Tiểu Phi-châu, cách dẫn nước suối từ trên núi xuống của Hi-lạp và La-mã là những kiểu mẫu về nền văn minh cổ. Người Ả-rập ngày xưa cũng biết dẫn nước nhất là ở Maroc. Những vườn cây rất nổi tiếng ở Damas và ở Valencia số dĩ tốt tươi là nhờ ở nước dẫn ở sông ngòi vao.

Nhờ khoa học ngày nay nên các phương pháp trị thủy càng tiến bộ.

Từ miền bờ biển Địa-trung-hải, ta thử nhìn lên phía cực bắc, trong miền băng tuyết vắng vẻ ở phía Bắc-Gia-nã-đại. Muốn hiểu đời sống trong các xứ này, phải nhớ đến thời kỳ oanh liệt của các nhà truyền giáo, thuộc xưa đã phải đương cự với một khi hậu giá lạnh trong những miền thưa dân cư. Ngày nay trong các khu rừng mà ngày xưa đã có các giáo sĩ tây-phương đến truyền giáo người ta thấy mọc lên những thành phố như Edmonton, Calgary, Grouard (lấy tên của vị giám mục giám-mục ở đất Mackenzie) chỉ các miền cực bắc chưa khai khẩn là phạm vi của các nhà săn sóc vật lấy lông. Các nhà săn bắn đã cần phải hiểu rõ khí hậu, các thứ súc vật mà họ săn bắn và thói quen các giống vật đó thì mới có thể sống được ở các miền đó. Ngày nay, các săn sóc vật tại các miền cực bắc Gia-nã-đại đã khác trước. Các nhà đi săn súc vật để lấy lông ngày nay thường là một nhà tư bản, họ phải bỏ ra tới 30.000 qua để sắm các đồ dùng và các khí cụ dùng về việc săn bắn như súng máy, súng đạn, các thứ bẫy, các thứ mồi, các đồ da để da nhừ v. v. Mỗi chuyến đi săn như thế họ mang có thể lợi được 100.000 qua. Khi đi săn mùa xong, đến mùa xuân là họ đi, hoặc một mình hoặc cùng đi với một người giúp việc. Họ thường đi một cách bí mật để tránh sự ghen tị của các bạn đồng nghiệp. Họ dùng xe lửa hoặc tàu thủy đi đến các miền bắc. Hết đường đi thì họ dùng các phương pháp riêng để đi đến chỗ đã chọn. Ở đây họ dựng lều lên, trữ sẵn đồ ăn ở suốt mùa rét để săn và chế các da súc vật. Mỗi tới mùa xuân năm sau họ mới về và đem theo lông súc vật về bán. Cũng có khi họ gặp

một nhân viên của chính phủ đáp phi cơ ở trên trời xa xuống để khám các thứ bẫy đánh súc vật có hợp lệ chăng. Trong việc săn sóc vật ở miền cực bắc từ trước vẫn có luật hạn chế và cấm một vài thứ khí cụ không hợp lệ. Cũng có thứ bẫy mà chỉ người da đỏ (Indiens và Esquimaux) được dùng còn người da trắng không được dùng. Số dĩ như thế là vì người ta cho rằng dân da đỏ không có khí giới tốt bằng và cũng không phá hoại bằng người da trắng. Dân da đỏ lại cần săn bắn để sống và nuôi gia đình hơn dân da trắng. Nhưng đất săn bắn ở bắc Gia-nã-đại không phải là rừng núi mà là những khu đồng cỏ khô hoặc lầy ở miền bắc cực. Chính trong những đồng cỏ lầy đó là nơi có hàng đàn bò rừng và nai rừng miền bắc cực và có cả giống gấu bắc (phoques) và rất nhiều các đồ ăn chính của giống dân Ấn-độ da đỏ và giống Esquimaux. Luôn trong ba thế kỷ, các nhà đi săn da trắng đã làm cho số súc vật săn bắn bị bắn đi đến nơi người ta lo rằng không bao nhiêu giống sẽ bị giết hết. Bởi vậy chính-phủ tự trị G-a-nã-đại đã lập ra 52 khu cấm săn bắn để tích trữ tới 1.400.000 cây só vuông. Muốn hiểu việc giảm số súc vật săn bắn đã khiến cho đời sống của dân Esquimaux khó khăn thêm như thế nào, người ta nên biết rằng một gia đình da đỏ gồm 20 người và 40 con chó săn phải cần tới 100 con bò rừng để đủ ăn trong một hạn 70 ngày mùa đông. Chính-phủ Gia-nã-đại đã tìm cách chế đồ ăn Ấn-độ và dân Esquimaux và giúp cho họ ở hẳn một vài nhà định cư như dân ở các thuộc địa miền phía đông. Cái về đặc biệt trong xứ đã dần dần biến mất, những nhà băng gô đem từ phía Nam lên để thay cho những lều phủ tuyết, các thứ y phục may để thay cho những tấm da gấu bắc và các tấm cho lương thực từ phía Nam lên đã đem đến cho các gia đình da đỏ những đồ dùng và thực phẩm mà từ xưa họ chưa từng thấy nhưng các đơn người da đỏ cũng dần dần mất đi nhiều nguyên nhân. Một nhà thám hiểm M. Welz đã đời sống ở các miền bắc Gia-nã-

đại đi đầu tiếng công kích các nhà đi săn và đi đánh cá voi mà ông gọi là những kẻ cướp vô lương tâm, những con hùm đã cướp của cải của dân bản xứ và giết hại chúng bằng các thứ rựa độc! M. Welz không phải là một nhà thông thái mà chỉ là một người ít học, một người mao hiểm đã một mình vượt qua các khu rừng Tây-bá-lơ-i-a, đã sống 27 năm giữa giống người Esquimaux và đi du lịch từ m. đến đảo Tân Tây-bá-lơ-i-a cho đến cửa sông Mackenzie. Lời nói của ông rất có thể tin được.

Cứ xem tình hình trên này thì khắp từ bắc cực đến nam cực qua xích đạo các nền văn-minh có của các giống dân có sống bằng cấy cây và nghề săn bắn khó lòng mà tồn tại trên mặt đất được. Hiện nay chưa tìm ra phương pháp gì hiệu quả để bảo vệ và duy trì lấy những nền văn minh có đó trong một thế-giới càng ngày càng vô bổ hơn, người ta không kể các ngành xa xưa. Mà loài người văn-minh ngày nay đã có thể tự mình vượt qua làn không khí lạnh mà con trên mặt nước và cả các làn sóng nữa. Tuy người ta một mặt vẫn hàng ngày tìm hết cách để bảo vệ các giống người hậu tiến, nâng cao trình độ sinh hoạt của họ lên và làm cho các giống dân chưa khai hóa đo ngày một đông đặc thêm. Nhưng một mặt lại loài người lại chế ra những thứ khí-giới, chiến cụ giết giết không những để giết các giống người cổ sơ như ta đã thấy trên các mảnh nền của người văn-minh giết lẫn nhau nữa. Số có thể noi theo, người ta vừa nhận đạo, vừa giả dối, vừa độc ác đến cực điểm.

Trong lúc đó các nhà học giả vẫn vôдум nghĩ lại, tìm tới về một khoa học mới, khoa nhân sinh địa-dư mà mục đích là để thực hành một lợi dụng mà đức Thượng-đế đã ban cho loài người: Các con phải sinh sản càng ngày càng đông, các con phải chiêm giử lấy đất đai để sản xuất.

HỒNG-LAM

EROS

Xì gà nhe, thom, êm đòng, rất thích hợp cho người nghiện thuốc lá nặng. Bán lẻ khắp nơi. Bán buôn tại hững thuốc lá FA 1 ONCI, 87 Rue de Huế Hanoi — Téléphone 974.